

VIÊN THÔNG NĂM CĂN



VIÊN THÔNG NHÃN CĂN

A-na-luật-đà

Kinh văn:

阿那律陀即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家常樂睡眠。如來訶我為畜生類。我聞佛訶啼泣自責。七日不眠失其雙目。

A-na-luật-đà tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ xuất gia thường nhạo thùy miên. Như Lai ha ngã vi súc sinh loại. Ngã văn Phật ha, đề khắp tự trách, thất nhật bất miên, thất kỳ song mục.

Việt dịch:

A-na-luật-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: “Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quở trách con là loài súc sinh. Con nghe Phật mắng, khóc thầm tự trách mình, suốt bảy ngày đêm không ngủ, bị mù hai mắt.”

Giải giảng:

A-na-luật-đà, tiếng Sanskrit là Aniruddha,¹ Hán

¹ S: Aniruddha; p: Anuruddha; tib Ma-ḥgags-pa. 阿耨樓駄. Còn gọi

dịch là Vô bần 無貪, Như ý 如意. liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: “Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quả trách con là loài súc sinh.

Đức Phật nói với ông rằng:

*Này ông! Sao quả mê ngủ
Như con sò trong vỏ cứng?
Ông ngủ suốt cả ngàn năm
Tên Phật rồi chẳng nghe thấy.*

Khi Đức Phật quả trách ông như vậy, ông rất hối lỗi. **Con nghe Phật mắng, khóc thầm tự trách mình.** “Tại sao mình quá mềm yếu?” Con tự hỏi mình. “Sao người cứ thích ngủ suốt ngày? được rồi. Từ nay ta không cho phép ông ngủ nữa.” **Suốt bảy ngày đêm không ngủ.** Có lẽ A-na-luật-đà đã luân phiên đi kinh hành và ngồi để giữ cho mình khỏi buồn ngủ, đến **bị mù hai mắt.** Mắt phải làm việc suốt ngày, nhưng ban đêm phải được nghỉ ngơi. Nếu quý vị không để cho nó nghỉ ngơi và khiến nó quá mệt, thì nó sẽ không còn thấy được nữa. Nó sẽ đình công. Thế nên A-na-luật-đà phải bị mù mắt.

Kinh văn:

世尊示我樂見照明金剛三昧。我不

là A-na-luật 阿那律, A-ni-lâu-đà 阿尼樓陀, A-nê-luật-đà 阿泥律陀 A-nô-luật-đà 阿奴律陀. Ý dịch Vô diệt 無滅, Như Ý 如意, Vô chướng 無障, Vô tham 無貪. Tùy thuận nghĩa nhân 隨順義人, Bất tranh hữu vô 不爭有無.

因眼觀見十方。精真洞然如觀掌果。如來印我成阿羅漢。

Thế tôn thị ngã nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội. Ngã bất nhân nhãn quán kiến thập phương. Tinh chân đồng nhiên như quán chuông quả. Như Lai ấn ngã thành A-la-hán.

Việt dịch:

Thế tôn dạy con tu pháp nhạo kiến chiếu minh kim cang tam-muội. Con bị mù mắt, nhưng thấy mười phương rộng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lòng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A-la-hán.

Giảng giải:

Thế tôn thương xót con vì đã bị mù, nên đã dạy con pháp tu gọi là **nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội**. Con tu tập pháp môn này một thời gian dài, và đạt được thiên nhãn, gọi là *bán đầu thiên nhãn* (半頭天眼)

Con bị mù mắt, dù con không thấy được các thứ bằng mắt thường, nhưng với thiên nhãn, con **thấy mười phương rộng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lòng bàn tay**. Giống như thấy được trái xoài (s: amala) trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A-la-hán.

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。旋見循元，斯為第一。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, tuyên kiến tuần nguyên, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi các vị Bồ-tát và các vị đệ tử về viên thông mà các ngài đã chứng được, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất. Như con, A-na-luật-đà, đã nhận ra rằng, quay cái thấy trở về lại với bản tánh căn nguyên của mình mà tu tập. Đây là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG TỊ CĂN
Châu-lợi Bàn-đặc-ca

Kinh văn:

周利槃特迦即從座起。頂禮佛足而
白佛言。

*Châu-lợi Bàn-đặc-ca tức tông toà khởi, đánh lễ
Phật túc nhi bạch Phật ngôn.*

Việt dịch:

**Châu-lợi Bàn-đặc-ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy
đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:**

Giải thích:

Châu-lợi (Kshudra) có nghĩa là ‘sinh trên đường—
đạo sinh.’ Phong tục Ấn Độ là sau khi người phụ nữ
lấy chồng và sắp sinh, cô ta sẽ trở về nhà mẹ để sinh
con. Trong trường hợp Châu-lợi, mẹ ngài đáng ra phải
về nhà mẹ một hai tháng trước khi sinh, nhưng nà đợi
đến giờ phút lâm bồn mới lên đường. Quãng đường từ
nhà chồng về nhà mẹ khá dài—chừng một hoặc hai trăm
dặm. Vì bà ta đợi cho đến khi chuyển bụng mới đi, nên
đi nửa đoạn đường thì ba đã chuyển bụng đau đẻ, và
bà ta sinh ngay trên đường. Nên Châu-lợi được đặt tên
như vậy. Em trai của Châu-lợi là Châu-lợi Bàn-đặc-ca
(Kshudrapanthaka), cũng được đặt tên theo cách như
vậy. Bàn-đặc-ca (panthaka) có nghĩa là ‘sinh cùng một

cách—*ké đạo* 繼道.’ Trong trường hợp của Bàn-đặc-ca, người mẹ cũng đợi gần ngày mới về nhà mẹ và cũng sinh giữa đường. Đứa bé được đặt tên là Bàn-đặc-ca, em của Châu-lợi.¹

Châu-lợi Bàn-đặc-ca rất là đần độn. Khi mới xuất gia, ban đầu người nào cũng được dạy những bài kệ ngắn để đọc vào lúc sáng sớm. Trước đây tôi có đọc cho quý vị nghe một bài rồi, nay tôi đọc thêm bài khác:

*Thân ngữ ý nghiệp bất tác ác,
Mạc nã thế gian chư hữu tình
Chánh niệm quán tri dục cảnh không.
Vô ích chi khổ đương viễn ly.*

Có nghĩa là người xuất gia cần nhất là phải giữ cho ba nghiệp thân khẩu ý được thanh tịnh. Không được làm nã loạn chúng sinh, phải quán chiếu để biết các cảnh của ngũ dục vốn là không. Chớ học tập những pháp tu khổ hạnh vô ích của ngoại đạo.

Khi Châu-lợi Bàn-đặc-ca cố gắng học bài kệ này,

¹ Theo *Phật Quang Từ Điển* Châu-lợi Bàn-đặc-ca; (s: Cūḍapānṭhaka, Cullapāṭka, Kṣullapānṭhaka, Śuddhipānṭhaka; p: Cullapānṭhaka, Cūḷapānṭhaka, là con của dòng Bà-la-môn trong thành Xá-vệ, cùng với người anh là Ma-ha Bàn-đặc (Mahāpānṭhaka) đều là đệ tử Phật. Như vậy *Phật Quang Từ Điển ghi nhận* Ma-ha Bàn-đặc là anh (周利槃特...後與兄摩訶槃特 (s: Mahāpānṭhaka) 同為佛陀弟子), Châu-lợi là em. Còn Hoà thượng Tuyên Hoá thì giảng rằng Bàn-đặc-ca là em của Châu-lợi (*His younger brother, Kshudrapānṭhaka, got his name the same way. Pānṭhaka means "born in the same fashion."*).

ông được sự trợ giúp của 500 vị A-la-hán, nhưng sau 100 ngày, ông không còn nhớ một chữ nào cả. Quá chậm lụt! Phải không? Ông nhớ được “*Thân ngữ ý nghiệp*,” nhưng không nhớ nổi “*bất tác ác*.” Hoặc ông nhớ được “*bất tác ác*” thì lại quên “*Thân ngữ ý nghiệp*.” Tôi nghĩ trong quý vị đây không có ai chậm lụt như vậy. Khi Châu-lợi thấy em mình được 500 vị A-la-hán hộ trì cho để học bài kệ trong 100 ngày mà vẫn không thuộc được một dòng, ông mới bảo em mình hãy trở về nhà sống đời cư sĩ. Ông bảo “Hãy về nhà lập gia đình.” Ông đưa em mình ra đường, không cho ở trong tịnh xá làm một vị tỳ-khưu.

Châu-lợi Bàn-đặc-ca nghĩ rằng: “Mình muốn thành một vị tỳ-khưu như những người kia, có ý nghĩa gì khi trở về nhà?” Thế là ông lấy y bát, lui sau vườn, chuẩn bị để tự vẫn. Khi ông sắp treo cổ, Đức Phật thị hiện thành thần cây hỏi ông ta rằng: “Ông định làm gì đó?”

–Tôi không muốn sống nữa.

–Thế sau khi ông chết, ông sẽ làm gì?

–Tôi không biết.

–Đừng chết! Thần cây bảo, –Đừng phí sinh mạng mình. Đó là lí do tại sao ông quá đần độn. Ông hãy cố gắng sửa đổi lỗi lầm của mình trong quá khứ. Khi đã thay đổi, mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp.

–Thế chuyện nhân quả từ quá khứ khiến cho tôi bị u mê đời này là sao? Bàn-đặc-ca hỏi.

Nhớ rằng thần cây là hoá thân của Đức Phật, khi Bàn-đặc-ca hỏi vấn đề đó, do trở lại nguyên hình và trả lời:

– Trong một đời trước, ông là một pháp sư tinh thông tam tạng có 500 đệ tử. Ngày nào họ cũng muốn học với ông nhưng ông không muốn dạy họ. Ông không muốn giảng kinh thuyết pháp, dù họ cầu thỉnh. Họ phải quỳ trước ông 3 ngày ba đêm mà ông vẫn không nói cho họ một lời. Vì ông không chịu giảng pháp, nên ông trở nên dần dần đến mức không nhớ nổi một dòng kệ.

Khi nghe như vậy, Bàn-đặc-ca rất xấu hổ. “Tại sao mình tệ đến mức như vậy?” Điều ấy được gọi là bôn xên pháp (stingy with the dharma). Quý vị nên nhớ kỹ điều này. Sau khi quý vị nghe tôi giảng pháp, đến đâu quý vị cũng phải nên giảng giải lại cho mọi người cùng hiểu. Đừng bao giờ nuôi dưỡng thái độ, “Ta sẽ không giảng giải Phật pháp cho các người, nếu các người hiểu ra, ta sẽ ra sao đây?” Đừng có đổ kỵ với sự hiểu biết Phật pháp của người khác. Quý vị càng đổ kỵ bao nhiêu, thì mình càng trở nên kém hiểu biết. Bàn-đặc-ca đã bôn xên pháp, nên quả báo là ông bị ngu đần. Nhưng vì ông còn nhiều thiện căn, nên ông được sinh vào thời gặp Đức Phật.

Đức Phật nói cho Bàn-đặc-ca biết rõ nguyên nhân trong quá khứ rồi, ngài liền cầm cái chổi lên và hỏi:

– Ông biết cái gì đây không?

– Thưa, cái chổi.

– Ông có nhớ được chăng?

– Thưa, nhớ được.

Rồi Đức Phật dạy ông:

– Hãy lặp lại suốt ngày chữ này: ‘Chổi, chổi, chổi.’

Bàn-đặc-ca lặp đi lặp lại chữ chổi liền vài tuần lễ. Đức Phật bảo ông dừng lại và hỏi

– Như thế nào, ông có nhớ được chăng?

Bàn-đặc-ca trả lời:

– Bạch Thế tôn, con nhớ được.

– Được rồi! Như Lai sẽ đổi chữ ấy thành ‘quét sạch.’

Hãy cố gắng học thuộc.

Bàn-đặc-ca liền học, ‘quét sạch, quét sạch, quét sạch.’ Và ông đã dùng cái chổi vô hình đó quét sạch những phiền não nhiễm ô của ông. Điều ông đang làm là quét sạch tính bòn xén pháp của chính mình. Quý vị hãy ghi nhớ điều này. Hãy nhớ những đạo lý tôi đã giảng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm và giảng giải cho nhiều người cùng nghe. Nếu quý vị làm việc đó, trong đời sau quý vị sẽ được trí huệ và thông minh. Nếu quý vị muốn thực hành hạnh pháp thí, quý vị sẽ không bao giờ bị ngu đần.

Kinh văn:

我闕誦持無多聞性。最初值佛聞法出家。憶持如來一句伽陀。於一百日得前遺後得後遺前。

Ngã khuyết tụng trì, vô đa văn tính. Tới sơ trì Phật văn pháp xuất gia, ức trì Như Lai nhất cú già-đà, u nhất bá nhật, đắc tiên di hậu, đắc hậu di tiên.

Việt dịch:

Con không có khả năng trì tụng, không có khiêu

đa văn. Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước.

Giảng giải:

Bàn-đặc-ca trình bày lại những điều mình đã trải qua. **Con không có khả năng trì tụng, không có khiếu đa văn.** A-nan không bao giờ quên điều gì khi đã đọc qua. Ông có khả năng ghi nhớ rất sâu và rất thông minh. Nhưng con, Bàn-đặc-ca, thì quá chậm lụt. **Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia.** Dù con đã xuất gia, khi **con cố nhớ một câu kệ của Như Lai—dòng kệ đó là “*Thân ngữ ý nghiệp bất tác ác,*” –nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước.** Con cố gắng nhớ được vài chữ đầu lại quên mấy chữ sau. Khi con nhớ được mấy chữ sau lại quên mấy chữ đầu. Thế nên suốt thời gian dài, con không bao giờ thuộc được dù chỉ một câu kệ. Con thật là đần độn.

Bàn-đặc-ca chậm lụt là vì trong quá khứ ông đã từ chối giảng kinh và thuyết pháp cho mọi người. Nay bất kỳ quý vị ở đâu, cũng nên cố gắng giúp cho mọi người đọc kinh hoặc giảng nói Phật để giáo hoá cho mọi chúng sinh. Quý vị làm việc này như là sứ mệnh của chính mình. Đừng có tâm bòn xén pháp.

Tôi đã nói chuyện này rồi, nhưng muốn lặp lại, Bàn-đặc-ca phải chịu quả báo đần độn vì ông ta không tu hạnh bố thí pháp— ông ta bòn xén pháp. Việc giảng kinh thuyết pháp của tôi hiện nay chính là đang bố thí

pháp. Tại sao tôi giảng pháp cho quý vị? Vì nếu tôi hiểu Phật pháp mà không chịu giải thích cho quý vị thì trong đời sau, thậm chí tôi còn không được như Bàn-đặc-ca; ông ta không nhớ được một dòng kệ trong suốt 100 ngày, còn tôi thì có lẽ không nhớ được một chữ trong suốt cả năm. Đó là lí do tôi không nhận tiền khi giảng pháp. Tôi không mong quý vị hoàn đáp lại cho tôi điều gì cả, tôi chỉ giảng kinh và thuyết pháp cho quý vị. Tôi không muốn mình bị ngu đần. Nếu trong quý vị có ai không muốn mình bị ngu đần thì hãy thử nghiệm. Hãy tỏ ra thái độ, “Tôi thông hiểu Phật pháp, nhưng không muốn Giảng giải cho quý vị.” Hãy thử xem, trong đời sau, khi quý vị còn ngu đần hơn cả Bàn-đặc-ca nữa, thì quý vị mới thấy những điều tôi nói là đúng. Quý vị sẽ kết thúc đời mình bằng những gì mình đã trải qua. Từ rất lâu, tôi được nghe một vị pháp sư dạy rằng nếu người nào không tu tập hành bố thí pháp thì quả báo sẽ chịu ngu si, tôi không bao giờ quên điều ấy.

Việc này nhắc tôi nhớ lại một chuyện dân gian (public record). Thời nọ có một vị quan, có lẽ đến chức đầu tỉnh, là người rất sùng kính kinh Pháp Hoa. Nhưng có điều rất lạ, trong bộ kinh Pháp Hoa gồm 7 quyển, ông ta nhớ rất kỹ 3 quyển rưỡi đầu. Ông ta ghi nhớ ngay khi mình đọc kinh xong. Nhưng 3 quyển rưỡi sau thì ông ta không thể nhớ được điều gì cả, dù ông có đọc nhiều lần đi nữa. Ông không thể nào hiểu nổi sao lại như vậy, thế nên ông đến hỏi một vị cao tăng của thời ấy, vốn là một vị thiện tri thức có đạo nhãn và lục thông.

Khi vị quan đầu tỉnh đến, Lão thiên sư ra tiếp, và vị quan trình bày vấn đề. “Trong các kinh Phật, kinh Pháp Hoa thu hút tôi nhất. Tôi rất quý kinh này, nhưng tôi chỉ nhớ được 3 quyển rưỡi đầu. Lý do tại sao như vậy?”

Lão thiên sư đáp, “Ồ! Nay ông muốn biết. Được rồi, nhưng khi tôi nói thì ông đừng sùng sốt hoặc không tin.”

Thưa, “Xin vâng. Nguyên sẽ tin những lời Thầy dạy.”

Lão thiên sư giải thích, “Nguyên nhân đời này ông làm quan là do trong đời trước ông đã làm nhiều công đức. Trong quá khứ ông từng làm thân bò, và ông giúp cày ruộng cho chùa. Từ đó ông đã cúng dường cho Tam bảo, và ông đã có công đức. Nguyên nhân ông chỉ nhớ được 3 quyển rưỡi đầu của kinh Pháp Hoa là như sau: Theo lệ thường, trong chùa phoir kinh vào mỗi ngày mồng sáu tháng 6 trong năm để phòng mỗi mọt. Vào lúc ấy, ông tiếp xúc được với kinh Pháp Hoa và ông chỉ *ngửi*¹ được bộ thứ nhất, chưa tới bộ thứ hai. Đó là lí do tại sao ông chỉ thuộc 3 quyển rưỡi đầu cuốn kinh Pháp Hoa trong đời này.”

Vị quan đánh lễ Lão thiên sư, sau đó ông càng tinh tấn hơn trong việc tham cứu kinh Pháp Hoa.

Một con bò ngửi kinh mà được thông minh đến như vậy, trong khi Bàn-đặc-ca từ chối giảng pháp mà trở nên bị ngu si. Nếu quý vị biết so sánh hai chuyện trên đây và

¹ sniffed.

chiêm nghiệm thật sâu, cũng đủ để biết những gì mình sẽ ném trái. Thực vậy, tôi mong rằng quý vị đừng có thử, vì bị chìm đắm như Bàn-đặc-ca sẽ khổ vô cùng. Mặt khác, chúng ta không nên xem thường Bàn-đặc-ca. Dù ông ta chậm lụt, nhưng đã được giác ngộ sau khi niệm mãi “chối” và ‘quét sạch’ trong một thời gian ngắn. Chúng ta có thể thông minh hơn Bàn-đặc-ca, nhưng chúng ta không được giác ngộ nhanh như ông ta. Thế nên về mặt này, chúng ta không được như Bàn-đặc-ca.

Kinh văn:

佛愍我愚教我安居調出入息。我時
觀息微細窮盡。生住異滅諸行刹那。

*Phật悯 ngã ngu, giáo ngã an cư, điều xuất nhập
tức. Ngã thời quán tức vi tế cùng tận, sinh, trụ, dị, diệt
chư hạnh sát-na.*

Việt dịch:

Đức Phật thương con ngu muội, dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào. Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rốt ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, dị, diệt trong từng sát-na.

Giải giảng:

Đức Phật thương con ngu muội. Đức Phật thấy thương xót con vì con chậm lụt, nên ngài dạy cho con đọc chữ “chối” và ‘quét sạch.’ **Dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào.** Pháp tu này là duy trì hơi thở vào trong khi đếm từ 1 đến 10, rồi duy trì ý thức khi thở ra và đếm từ 1 đến 10. Bất luận dù ai có đàn độn đến đâu cũng có

thể đếm từ 1 đến 10. Một hơi thở vào và một hơi thở ra được đếm là 1. **Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rất ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, diệt trong từng sát-na.** Trong một hơi thở, thời điểm mà quý vị bắt đầu thở ra được gọi là sinh, và tiến trình tiếp theo được kể là một hơi thở kế tiếp. Tông Thiên thai chia việc quán sát này thành sáu giai đoạn—sáu phương pháp quán sát hơi thở.¹ Chúng ta sẽ không đi sâu vào chi tiết việc này ở đây. Chỉ nên biết rõ rằng khi bắt đầu thở ra được gọi là sinh, hơi thở tiếp tục được gọi là trụ, khi hơi thở đến gần dứt gọi là diệt, khi hơi thở đến cuối gọi là diệt. Điều này diễn biến trong từng sát-na. Trong một niệm tương có 90 sát-na. Trong mỗi sát-na có 900 lần sinh diệt. Những chi tiết này mắt thường không thể nào thấy được.

Kinh văn:

其心豁然得大無礙。乃至漏盡成阿羅漢。住佛座下印成無學。

Kỳ tâm hoát nhiên đắc đại vô ngại. Nãi chí lậu tận thành A-la-hán. Trụ Phật toà hạ tức thành vô học.

Việt dịch:

Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại, cho đến hết sạch các lậu hoặc, thành A-la-hán. Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học.

¹ Lục diệu pháp môn: Số tức 數息, Tùy tức 隨息, Chi tâm 止心, Tu quán 修觀, Hoàn 還, Tịnh Lục pháp 淨六法.

Giảng giải:

Lúc ấy, con quán sát hơi thở của mình cho đến khi đạt được cảnh giới vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả tướng. Con thở vào thở ra một cách không cần dụng công và tâm con được hợp thành một. Con không còn niệm tướng phân biệt và tâm phan duyên. Mọi niệm tướng đều dừng bật. **Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại.** Ô! Con đã quay trở lại và đến được cội nguồn! “Bỗng nhiên” ở đây là chỉ cho sự giác ngộ. Giống như cánh cửa gian phòng bỗng dưng bị bật tung ra. Không khí trong phòng trở nên tức thời thanh tịnh. Chẳng còn không khí ẩm mốc. Quý vị có để ý rằng dù có nhiều người trong giảng đường này nhưng không vẫn thanh tịnh? Nếu quý vị hỏi tôi tại sao, sẽ rất khó trả lời cho quý vị. Chỉ nói rằng trong một bồ-đề đạo tràng, có sự thanh tịnh bất khả tư nghi cho đến cả bầu không khí.

Khi quý vị đến nghe giảng pháp, điều cần nhất là phải vô cùng cung kính. Đó là vì chư Phật và Bồ-tát sẽ nói rằng, “Ông là đồ trùng thôi! Tại sao ông đến đạo tràng mà lại hành xử như vậy?” Mọi người nên kính trọng nhau và khiêm tốn, hoà hợp với nhau, Đừng tự mãn hay tự cao. Đừng nói nghiệp chướng câu như thế này, “Hãy xem ông dần đến mức nào! Tôi giỏi hơn ông nhiều.” Ngay khi quý vị nghĩ như vậy, là mình đã tự làm ngu muội mình đi. Đừng xem thường người khác. Những người trong pháp hội này đều là cha mẹ trong

quá khứ của mình và là chư Phật trong tương lai. Nếu quý vị xem thường những người này, là chẳng khác gì xem thường Phật. Thế nên khi quý vị tu học Phật pháp, quý vị nên nhìn mọi người không phân biệt.

Trong bồ-đề đạo tràng, quý vị phải giữ quy luật. Khi đang nghe kinh, không được đứng dậy và đi lang thang. Đừng ngồi dựa ngửa ra hoặc dựa vào vật gì khác. Hãy ngồi thật ngay thẳng. Đừng có thái độ lười biếng trễ nãi. Thậm chí dù quý vị là một con trùng lười biếng, cũng không nên làm như vậy. Quý vị nên phát huy chính mình thành một người nghiêm túc. Cũng vậy, đừng ngủ khi nghe giảng kinh, nếu như vậy, trong tương lai, quý vị sẽ giống như A-na-luật-đà.

Đoạn kinh tiếp tục: **cho đến hết sạch các lậu hoặc.** Sau khi chứng ngộ, A-na-luật-đà dần dần đạt được quả vị vô lậu. Và **thành A-la-hán.** A-na-luật-đà chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. **Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học.** Con luôn luôn theo Phật và ngồi dưới chân Phật để nghe giảng kinh. Đức Phật đã ấn chứng cho con và nói rằng con cũng đã đạt được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán.

Một người đần độn như vậy mà cũng chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Còn chúng ta thì quá thông minh nhưng chưa chứng được đến sơ quả. Quý vị có thấy hổ thẹn không?

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。返息循空斯為第一。

Phật vấn viên thông như ngã sở chứng, phản tức tuần không, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như điều chứng được của con, quay hơi thở trở về với tánh không, đó là phương pháp hay nhất.

Giải thích:

“Đưa hơi thở ra vào trở về lại, hoà hợp với tính không—trở về lại với thể tính tịch lặng; đây là phương pháp hay nhất.”

Tôi đã qua đây (Mỹ quốc) nhiều năm, nhưng tôi không bao giờ dám nói đến luật lệ. Vì sao? Xứ này tán thành tự do. Cha mẹ không kiểm soát con cái, con cái họ muốn làm gì thì làm. Sau khi tôi đến Mỹ quốc, tôi có nhận đệ tử, nhưng tôi cũng vậy, không kiểm soát họ. Tôi để họ muốn làm gì mặc tình. Họ muốn đi đâu tùy ý, họ có thể làm việc theo ý riêng của họ. Họ rất độc lập. Nhưng trong hội giảng kinh, tôi để ý thấy rằng có người rất tùy tiện—trên mức bình thường cho phép. Đó gọi là:

Bất y quy cũ, bất thành phương viên.

Trong tiếng Hán, chữ *phương viên* đi với nhau tạo thành từ kép, có nghĩa là ‘quy cũ’.¹ Nếu quý vị không

¹圓者中規，方者中矩 Cái tròn thì hợp với cái quy (để vẽ hình tròn),

dùng quy—規, thì không thể nào có được vòng tròn. Nếu không dùng cũ 矩, thì hình vuông mà quý vị vẽ nên sẽ thành hình chữ nhật hoặc hình tam giác.

Vậy nên, hôm nay trong pháp hội giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm, tôi yêu cầu quý vị đừng lười biếng. Hãy lắng nghe kinh với tâm cung kính, như thể Đức Phật đang giảng pháp cho quý vị nghe. Quý vị đừng nên nghĩ rằng, “Pháp sư này giảng pháp bằng cách kể chuyện tiếu lâm, như là đang dụ con nít.” Nếu quý vị có thể tìm hiểu được ý nghĩa những điều tôi vừa nói, quý vị có thể được giác ngộ, chứng được quả vị nầy tức khắc. Tất cả mọi điều cần làm là chân chính quyết tâm tìm cầu Phật pháp, và điều ấy sẽ xảy ra. Nếu quý vị thành tâm khi nghe giảng chương hai mươi lăm pháp tu viên thông này, quý vị có thể được giác ngộ ngay liền. Là vì hai mươi lăm bậc thánh này đã phát nguyện rằng họ sẽ hộ trì cho bất kỳ người nào tu tập theo phương pháp của họ cho đến khi được giác ngộ. Cho nên quý vị hãy chú tâm tham cứu vào ý nghĩa của kinh.

VIÊN THÔNG THIỆT CĂN

*Kiều-phạm-bát-đề***Kinh văn:**

驕梵鉢提即從座起。頂禮佛足而白
佛言。我有口業於過去劫輕弄沙門。世
世生生有牛齧病

*Kiều-phạm-bát-đề tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc
nhi bạch Phật ngôn. Ngã hữu khẩu nghiệp ư quá khứ kiếp
khinh lộng sa-môn. Thế thế sinh sinh hữu ngưu si bệnh.*

Việt dịch:

Kiều-phạm-bát-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy,
đánh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, “Con bị
khẩu nghiệp, khinh chê một vị sa-môn trong thời quá
khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò.”

Giải giảng:

Kiều-phạm-bát-đề phiên âm tiếng Sanskrit là
Gavāmpati,¹ Hán dịch là *ngưu ti* 牛司. Khi loài bò ngủ,
chúng ngáy, và lưỡi của chúng liếm từ trước ra sau, tạo
nên tiếng động rất lớn. **Kiều-phạm-bát-đề** **liền từ chỗ**

¹ S: Gavāmpati; P: Gavampati; Tib: Ba-lan-bdag). Một đệ tử của Đức Phật. Còn phiên âm là *Kiều-phạm-bát-đề* 驕梵拔提, *Kiều-phạm-bát-đề* 驕梵鉢提, *Kiều-phạm-bát-đề* 驕梵鉢. Ý dịch là Ngưu chủ 牛主, Ngưu Vương 牛王, Ngưu Vương Nhân 牛王眼, Ngưu Tích 牛迹, Ngưu Tướng 牛相. Ngài nhận Xá-lợi-phát làm Thầy.

ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, “Con bị khẩu nghiệp, khinh chê vị sa-môn trong thời quá khứ.” Loại khẩu nghiệp mà ông mắc phải là gì? Một hôm ông để ý có một vị sa-môn, vị này không có răng, phải mất một thời gian rất lâu để ăn cơm. Kiêu-phạm-bát-đề trêu chọc vị sa-môn già, “Ông già, ông ăn như bò nhai cỏ.”

Vị sa-môn già là người đã chứng quả A-la-hán. Ông ta nói rằng, “Ồ! Ông không nên nói như vậy. Ông sẽ phải chịu quả báo trong đời sau. Tốt hơn ông nên sám hối ngay tức khắc. Tốt hơn ông nên rút lại lời ấy ngay.”

Kiêu-phạm-bát-đề hối lỗi, thế nên ông không bị quả báo làm thân bò, tuy vậy, muôn đời sau ông ta chịu quả báo mắc tập khí của loài bò. Lưỡi của ông ta dài như lưỡi bò, và ông ta luôn luôn nhai lại và thở như loài bò. Dù ông đã chứng quả A-la-hán, Đức Phật vẫn ngại rằng loài người sẽ trêu chọc ông, họ cũng sẽ nói rằng, ông ta giống như bò, và người ấy sẽ phải chịu quả báo làm bò. Vì lí do này, Đức Phật bảo Kiêu-phạm-bát-đề hãy lên sống ở cõi trời và nhận sự cúng dường của chư thiên. Vì chư thiên đều có năng lực thấy rõ đời quá khứ, nên họ sẽ không dám báng bổ ngài.

Trong kinh văn, Kiêu-phạm-bát-đề tiếp tục giải thích: Con tạo khẩu nghiệp là do **khinh chê một vị sa-môn trong thời quá khứ**. Ông ta giễu cợt một vị sa-môn. Sa-môn¹ là tiếng phiên âm từ chữ śramaṇa trong

¹ Sa-môn: S: śramaṇa; p: samaṇa; t: dge-sbyac; Gọi chung những người

tiếng Sanskrit, Hán dịch là cần tức 勤息.

Sa-môn là người siêng năng tu trì giới định huệ, và trừ sạch tham sân si. **Nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò.** Đó là quả báo mà con phải chịu.”

Kinh văn:

如來示我一味清淨心地法門。我得滅心，入三摩地。觀味之知，非體非物。應念得超世間諸漏。

Như Lai thị ngã nhất vị thanh tịnh tâm địa pháp môn. Ngã đắc diệt tâm, nhập tam-ma-địa. Quán vị chi tri, phi thể phi vật. Ứng niệm đắc siêu thế gian chư lậu.

Việt dịch:

Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa. Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt, nhập vào được tam-ma-đề. Quán sát tính biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật. Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian.

Giải giảng:

Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa, có nghĩa là thể tính thành tựu của nhất chân tâm. Khi lười không có mùi vị phân biệt—khi không

xuất gia tu đạo, cạo bỏ râu tóc, không làm những điều ác, siêng năng làm các điều thiện, điều phục, chế ngự thân tâm, cho đến khi chứng đạt niết-bàn. Phiên âm là sa-văn-na, tang-môn 桑門. Hán dịch là Cần lao 勤勞, Tức chi 息止, Tịnh chí 靜志, Cần tức 勤息, Tu đạo 修道, Pháp đạo 乏道.

có tâm phân biệt— thì tất cả mùi vị đều trở về lại thể tính thanh tịnh. Điều này, trở lại, là tu tập định vô phân biệt—samadhi of non-discrimination. **Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt**—thức tâm được vắng lặng tịch diệt, có nghĩa là, **nhập vào được tam-ma-đê**—đạt được chánh định hoặc chánh thọ.

Và ông **quán sát tính biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật**. Tính biết của mùi vị chẳng phải đến từ thể của thiết căn, cũng chẳng phải đến từ vị trần. **Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian**. Ngay khi tâm ý được thanh tịnh, con liền được vượt qua các cõi giới lậu hoặc ở thế gian.

Kinh văn:

內脫身心外遺世界。遠離三有如鳥出籠。離垢銷塵法眼清淨成阿羅漢。如來親印登無學道。

Nội thoát thân tâm, ngoại di thế giới. Viên ly tam hữu như điều xuất lồng. Ly cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Như Lai thân ấn chứng vô học đạo.

Việt dịch:

Bên trong thân tâm giải thoát, bên ngoài rời bỏ thế giới, xa lìa ba cõi như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.

Giảng giải:

Bên trong thân tâm giải thoát. Thân và tâm đều được giải thoát—con được thoát ly khỏi chúng. **Bên ngoài rời bỏ thế giới.** Cũng như con quên hẳn thế giới bên ngoài. **Xa lìa ba cõi.** Điều này chỉ cho sự hiện hữu ở các cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Vào lúc này, con **như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh.** Điều này có nghĩa là pháp nhãn của Kiêu-phạm-bát-đề đã được khai mở, và ông đã chứng ngộ thành A-la-hán. **Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.**

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。還味旋知，斯為第一。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, hoàn vị tuyên tri, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, trả tính của vị về khỏi sự phân biệt, xoay tính biết về với tự tánh, đó là điều tốt nhất.

Giảng giải:

Trả tính của vị về khỏi sự phân biệt không có nghĩa là khỏi sự phân biệt từ các vị ấy. Đó chính là hỏi quan phản chiếu, quay lại tánh thấy vào bên trong. **Xoay tính biết về với tự tánh** là chỉ cho sự xoay chuyển tính phân biệt của thiệt căn. Đây chính là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG THÂN CĂN

Tát-lăng-già Bà-ta

Kinh văn:

畢陵伽婆蹉即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Tát-lăng-già Bà-ta tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Tát-lăng-già Bà-ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Giải thích:

Tên của **Tát-lăng-già Bà-ta** (s: Pilindavatsa) trong tiếng Sanskrit có nghĩa là *Dư tập*¹ 餘習. Tên gọi này chỉ cho biết rằng tuy ông đã xuất gia nhưng vẫn còn những tập khí trong kiếp trước. Ông là một vị A-la-hán đã chứng quả, thế nên mỗi khi qua sông, ông có thể khiến cho nước phải ngừng chảy. Thần sông vốn thường là

¹ S: Pilinda-vatsa, Pilindavaśa; p: Pilinda-vaccha, pilindiya-vaccha, ; t: Pi-lin-daḥi bu). Đệ tử của Đức Phật. Phiên âm là Tát-lăng-già Phiệt-tha 畢陵伽筏蹉, Tát-lan-đa Phiệt-tha 畢蘭陀筏蹉, Ti-lợi-đa Bà-già 比利陀婆遮。Gọi lược là Tát-lăng-già 畢陵迦, Tát-lăng 畢陵。Ý dịch Dư tập 余習, Ác khẩu 惡口。Tát-lăng-già là họ, Bà-tha là tên. Ngài là người đồng đội Bà-la-môn ở thành Xá-vệ. Ban đầu học chú thuật, được phép ẩn thân. Sau gặp Đức Phật liền mất hết công lực của chú đó, bèn xuất gia làm đệ tử Phật.

thần nữ, và khi Tát-lăng-già Bà-ta đến bên bờ sông, ông liền kêu lớn, “Này tiểu ti, hãy ngừng chảy!” Thần sông theo lệnh của ông, liền ngưng chảy để ông qua sông. Nhưng thần sông rất khó chịu mặc dù không thể hiện ra. Tuy nhiên, thần sông lại đến bạch với Đức Phật.

“Con là nữ thần cai quản khúc sông này, ông ta đến và bảo con, ‘Này tiểu ti, hãy ngừng chảy!’ Ông ta là một vị A-la-hán, lẽ ra không nên gọi con như vậy.”

Đức Phật bảo Tát-lăng-già Bà-ta hãy xin lỗi thần sông. Tát-lăng-già Bà-ta chấp tay lại và nói. “Tôi xin lỗi, Tiểu ti!” Lúc ấy toàn thể đại chúng gồm các vị A-la-hán đều bật cười.

Tại sao Tát-lăng-già Bà-ta lại gọi thần sông là “Tiểu ti?” Vì trong quá khứ, thần sông là người giúp việc của Tát-lăng-già Bà-ta. Ông đã quen gọi người giúp việc theo cách ấy, thế nên bây giờ, ngay khi cô ta đã là một nữ thần sông, ông vẫn gọi cô ta như vậy. Lý do chính khiến ông phải xin lỗi là vì đã xúc phạm cô ta khi gọi cô là “Tiểu ti,” nhưng tập khí của ông quá sâu đến nỗi ông cũng gọi bằng cách ấy khi xin lỗi.

Kinh văn:

我初發心從佛入道。數聞如來說諸世間不可樂事。乞食城中心思法門。不覺路中毒刺傷足。舉身疼痛我念有知。知此深痛，雖覺覺痛。覺清淨心，無痛痛覺。

Ngã sơ phát tâm tòng Phật nhập đạo. Sát văn Như Lai thuyết chư thế gian bất khả lạc sự. Khất thực thành trung tâm tư pháp môn. Bất giác lộ trung, độc thích thương tức. Cử thân động thông ngã niệm hữu tri. Tri thử thâm thông, tuy giác giác thông. Giác thanh tịnh tâm, vô thông thông giác.

Việt dịch:

Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn này, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy, nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Giảng giải:

Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Nhiều lần con được nghe Đức Phật Giảng dạy về bản chất của thế gian này là khổ, không vô thường và vô ngã. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn này, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Con đang tập trung suy nghĩ về pháp môn mà Như Lai đã dạy cho con, đến mức con không còn để ý đến đường đi, và con dẫm phải gai độc, nó đâm vào chân con đau nhức vô cùng. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy,

nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Trong chân tâm thanh tịnh sáng suốt của con thì không có cái đau hoặc biết có cái đau ấy. Khi con nhận ra điều này, mọi thứ đều rỗng rang, thân tâm con trở nên thanh tịnh. Do vậy, con không còn thấy có ai là người bị đau.

Kinh văn:

我又思惟如是一身寧有雙覺。攝念未久身心忽空。三七日中諸漏虛盡成阿羅漢。得親印記發明無學。

Ngã hựu tư duy, như thị nhất thân ninh hữu song giác. Nhiếp niệm vị cửu, thân tâm hốt không. Tam thất nhật trung chư lậu hư tận, thành A-la-hán. Đắc thân ấn ký phát minh vô học.

Việt dịch:

Con lại suy nghĩ, một thân này lẽ ra phải có hai cái biết? Nhiếp niệm chưa lâu, thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi một ngày, các lậu hoặc dứt sạch, thành bậc A-la-hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học.

Giảng giải:

Con lại suy nghĩ, một thân này lẽ ra phải có hai cái biết? Lẽ nào mình có cùng lúc hai cái biết? Lẽ nào một cái biết mình đau và cái biết khác lại biết về cái biết đau ấy? Chẳng phải như vậy. **Nhiếp niệm chưa lâu—**

Con chiêm nghiệm về vấn đề đề một thời gian không lâu— **thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi một ngày, các lậu hoặc dứt sạch.** Trong vòng ba tuần lễ, mọi tập khí hữu lậu trở nên vắng bật, nó đã được trừ sạch. **Thành bậc A-la-hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học.** Chính Đức Phật ấn chứng cho con, là con đã chứng quả vị thứ tư của hàng A-la-hán.

Kinh văn:

佛問圓通如我所證，純覺遺身斯為第

一。

Phật vấn viên thông như ngã sở chứng, thuần giác di thân, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, thì thuần tịnh cái tính biết, quên bẵng thân thể, là điều tốt nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về từng vị đệ tử chúng con về phương pháp tu tập ban đầu để đạt được giác ngộ. Điều mà con, Tất-lăng-già Bà-ta tu tập là duy trì tâm giác ngộ cho đến khi tâm ấy hoàn toàn thanh tịnh, và con quên bẵng đi thân thể của mình, Đây là phương pháp tu tập viên thông của con.

VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN

*Tu-bồ-đề***Kinh văn:**

須菩提即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心得無礙。自憶受生如恒河沙。初在母

胎即知空寂。如是乃至十方成空。亦令眾生證得空性。

Tu-bồ-đề tức tòng toà khởi, đành lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai tâm đắc vô ngại. Tự ức thọ sanh như hằng hà sa. Sơ tại mẫu thai tức tri không tịch. Như thị nãi chí thập phương thành không. Diệc linh chúng sinh chứng đắc không tính.

Việt dịch:

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đành lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Còn từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại, tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tính không tịch. Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tánh không.”

Giải giảng:

Tu-bồ-đề có nghĩa là *không sinh*, vì ngay khi ông sinh ra, mọi của cải trong nhà ông ta bỗng dưng trống

không. Chẳng còn một viên ngọc nào còn sót lại. Sau khi ông khinh được bảy ngày, tài sản của cải lại hiện ra. Thế nên đặt tên ông là Thiện Hiện. Cha mẹ ông đi nhờ người đoán số mệnh cho ông, họ nói: “tức thiện thả cát 卽善且吉” Nên đặt tên cho ông là Thiện Cát 善吉.

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Còn từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại. Tâm và tánh của con đạt so sánh sự vô ngại. Tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tính không tịch—con đã nhận ra được tánh không (sūnyatā)— Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng. Tất cả các cõi giới trong mười phương đều là rỗng lặng. Và cũng khiến cho chúng sinh chúng được tánh không. Con đã giúp cho chúng sinh đồng thời chúng nhập được tánh không (sūnyatā).”

Kinh văn:

蒙如來發性覺真空。空性圓明得阿羅漢。頓入如來寶明空海。同佛知見印成無學。解脫性空，我為無上。

Mông Như Lai phát tính giác chân không. Không tính viên minh đắc A-la-hán, đốn nhập Như Lai bảo minh không hải. Đồng Phật tri kiến, ấn thành vô học. Giải thoát tính không, ngã vi vô thượng.

Việt dịch:

Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn

là rỗng lặng, nên tính không được viên minh. Nhờ đó con chứng được A-la-hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai. Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không (sūnyatā), con được viên mãn nhất.

Giảng giải:

Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn là rỗng lặng, nên tính không được viên minh. Tánh giác đồng như tánh không. Tánh Như Lai tạng—giác ngộ về tánh không—là viên mãn và sáng suốt rõ ràng. Tánh không và tánh Như Lai tạng đều viên mãn và sáng suốt rõ ràng. Nhờ đó con chứng được A-la-hán. Do con đã nhận ra được thể tánh của Như Lai tạng, nên con chứng được A-la-hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai. Bảo minh không hải lại chính là tánh Như Lai tạng. Nó giống như biển lớn tánh không (sūnyatā). Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Đức Phật ấn chứng cho con là bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không (sūnyatā), con được viên mãn nhất. Tri kiến của con có được là nhờ vào thể nhập đạo lý tánh không. Con là người thể nhập vào tánh không bậc nhất.

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。諸相入非非所
非盡。旋法歸無斯為第一

Phật vấn viên thông như ngã sở chứng. Chư tướng

nhập phi, phi sở phi tận, tuyền pháp quy vô, tư vi đệ nhất.

Viết dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt, xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông. Nay Đức Phật hỏi chúng đệ tử, các vị Bồ-tát, về chỗ chứng ngộ của họ khi đạt được viên thông. **Như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt.** Cái khiến cho trở thành không và cái trở nên không đều tiêu sạch. Có nghĩa là chẳng có gì, thậm chí cả cái không. Trong đạo Lão (Taoism), điều này được gọi là Sở không cập vô 所空及無, cái không cũng chẳng có. Trong đạo Phật, điều này được gọi là *phi sở phi tận*—非所非盡. **Xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất.** Đưa các pháp trở về lại với thể tánh rỗng lặng là thù thắng nhất. Thể nhập lý tánh không (śūnyatā) là phương pháp hay nhất.

SÁU THỨC



VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC

Xá-lợi-phát

Kinh văn:

舍利弗即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心見清淨。如是受生如恒河沙。世出世間種種變化，一見則通獲無障礙。

Xá-lợi-phát tức tòng toà khởi. Đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai, tâm kiến thanh tịnh. Như thị thọ sinh như hằng hà sa. Thế xuất thế gian chủng chủng biến hoá, nhất kiến tức thông hoạch vô chướng ngại.

Việt dịch:

Xá-lợi-phát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hễ con thấy được là liền thông suốt, được điều không chướng ngại.”

Giảng giải:

Tên của mẹ ngài **Xá-lợi-phát** là Śari, và tên của

ngài có nghĩa là ‘con của Śari–Thu tử 鶯子’ có nghĩa là loài chim diệc. Ngài là người có trí huệ đệ nhất. Khi Xá-lợi-phất còn ở trong thai mẹ, người mẹ thường thắng cuộc mỗi khi tranh luận với anh mình là Câu-hi-la,¹ cậu của Xá-lợi-phất. Câu-hi-la biết em gái mình đang hoài thai một đứa bé thông minh xuất chúng.

Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hề con thấy được là liên thông suốt, được điều không chướng ngại. Con có thể trình bày ngay về các sự việc như thế nào, dù ở tầm mức thông thường hay vào mức độ uyên bác, con đều đạt được sự vô chướng ngại.”

Kinh văn:

我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說
因緣。悟心無際。

*Ngã ư lộ trung phùng Ca-diếp-ba, huynh đệ tương
trục tuyên thuyết nhân duyên. Ngộ tâm vô tế.*

Việt dịch:

Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường, cùng đi theo họ. Họ nói về thuyết nhân duyên, con ngộ được tâm không có bờ mé.

¹ S: Mahakaushthila, Túc Trường trào Phạm chí 長爪梵志 (s: Dirghanakhabrahmacārin).

Giảng giải:

Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường. Khi anh em Ca-diếp-ba cùng đi với con, nghe họ nói về **thuyết nhân duyên.** Nhờ nghe được thuyết nhân duyên, con trở nên được giác ngộ, và con **ngộ được tâm không có bờ mé.**

Trước khi Xá-lợi-phất xuất gia, ông gặp Mã Thắng¹ (Ashvajit) khi cùng đi trên đường. Mã Thắng là một trong năm anh em Kiều-trần-na được Đức Phật chuyển pháp luân trước hết ở vườn Nai (Lộc dã uyển). Xá-lợi-phất thấy Mã Thắng đang đi với dáng dấp đầy oai nghi nghiêm túc khả kính.

Mắt không liếc nhìn cảnh vật,

Tai không nghe trộm chuyện gì.

Ông ta không lén trốn qua bên đường để nhìn ngắm người ta, và không lắng nghe những gì họ đang bàn tán.

Mắt ông ta nhìn sống mũi, mũi nhìn miệng, miệng chú ý đến tim.

Trước đó, Xá-lợi-phất đã thọ giáo với một ngoại đạo gọi là Sa Nhiên Phạm Chí². Sau khi vị này qua đời, ông không còn biết học với ai. Đó là khi ông gặp Mã Thắng ở trên đường và thán phục oai nghi đ đoan nghiêm của tỷ-khuru này. Xá-lợi-phất hỏi tỷ-khuru Mã Thắng, “Oai nghi của ông thật trang nghiêm. Thầy của ông là vị nào?”

¹ S: Aśvajit; p: Assaji. Phiên âm A-thuyết-thị.

² 沙然梵志 (s: Sañjayavairatiputra). Túc 刪闍耶毘羅胝子)

Tỷ-khuru Mã Thắng trả lời bằng bài kệ: *Chư pháp tùng duyên sanh, Chư pháp tùng duyên diệt. Ngã Phật đại sa-môn, thường tác như thị thuyết.*¹

諸法從緣生 諸法從緣滅 我佛大沙門 常作如是說.

Khi Xá-lợi-phất nghe bài kệ này, ngài liền giác ngộ và chứng được sơ quả A-la-hán. Ngài liền trở về trụ xứ của mình và nói lại bài kệ ấy cho Mục-kiền-liên nghe. Khi Mục-kiền-liên nghe được bài kệ ấy, ngài cũng chứng ngộ. Rồi cả hai dẫn 200 đệ tử của mình đến quy y với Đức Phật. Họ cùng xuất gia và trở thành tăng chúng trong giáo đoàn của Đức Phật.

Đó là điều được kể lại ở một nơi khác, Ở đây kinh văn nói rằng Xá-lợi-phất gặp anh em ông Ca-diếp-ba. Vì có bản kinh nói rằng Xá-lợi-phất gặp anh em ông Ca-diếp-ba, và có bản kinh lại nói rằng Xá-lợi-phất gặp tỷ-khuru Mã Thắng. Tôi nghĩ rằng Xá-lợi-phất đã gặp cả hai vị ấy. Anh em ông Ca-diếp-ba và tỷ-khuru Mã Thắng lúc ấy đều cùng đi trên đường. Lưu ý rằng kinh nói, “cùng đi với các huynh đệ.” “Huynh đệ.” Không có nghĩa là chỉ có anh em ông Ca-diếp-ba, mà gồm có cả tỷ-khuru Mã Thắng, vốn là một pháp hữu. Họ đang bàn luận về thuyết nhân duyên, và một vị nói:

¹ Bản chép khác: 諸法從因生, 諸法從因滅, 我佛大沙門常作如是說’ (BKPGTT)

Nhân duyên sở sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không. Thị danh vi giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa.¹

Có lẽ là khi Xá-lợi-phất nghe bài kệ trên, ông ta liền hỏi, “Ông nói điều gì vậy? Ai là thầy của ông?” Và tỷ-khưu Mã Thắng nói bài kệ ấy. Xá-lợi-phất nghe xong, liền được giác ngộ. Sau đó Xá-lợi-phất trở về kể cho Mục-kiền-liên, và cả hai cùng đến quy y với Đức Phật.

Kinh văn:

我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說
因緣。悟心無際從佛出家。見覺明圓得
大無畏。成阿羅漢為佛長子。從佛口生
從法化生。

*Tòng Phật xuất gia, kiến giác minh viên, đắc đại vô
úy. Thành A-la-hán, vi Phật trưởng tử. Tòng Phật khẩu
sinh, tòng pháp hoá sinh.*

Việt dịch:

**Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con
trở nên sáng suốt viên mãn, được đại vô úy và trở**

¹ Bản tiếng Hán của VPTT ghi là anh em Ca-diếp-ba nói bài kệ: Nhất thiết chư pháp bản, Nhân duyên sanh vô chủ, Nhược năng giải thử giả, tặc đắc chân thật đạo.

一切諸法本，因緣生無主，若能解此者，則得真實道。

Bản tiếng Anh thì ghi là họ cùng bàn luận về nhân duyên và Mã Thắng nói bài kệ: Nhân duyên sở sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không. Thị danh vi giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa.

因緣所生法我說即是空是名為假名亦名中道義。

thành bậc A-la-hán. Là một trong những trưởng tử của Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh.

Giảng giải:

Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con trở nên sáng suốt viên mãn. Tính thấy của Xá-lợi-phất trở thành thể giác ngộ viên mãn. Con được pháp đại vô úy và trở thành bậc A-la-hán. Là một trong những trưởng tử của Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh. Trong số các đệ tử của Đức Phật, Xá-lợi-phất thuộc hàng đệ tử lớn nhất.

Kinh văn:

佛問圓通，如我所證。心見發光，光極知見斯為第一

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng. Tâm kiến phát quang, quang cực tri kiến, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, Xá-lợi-phất, tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất. Khi tính sáng suốt của tâm thể phát huy đến cực điểm, thì tính thấy và tính biết trở thành không. Đây là phương pháp tu tập đạt đến viên thông tối thắng nhất.

VIÊN THÔNG NHĨ THỨC
Bồ-tát Phổ Hiền

Kinh văn:

普賢菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我已曾與恒沙如來為法王子。十方如來教其弟子。菩薩根者修普賢行，從我立名。

Phổ Hiền Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã dĩ tăng dữ hàng sa Như Lai vi Pháp vương tử. Thập phương Như Lai giáo kỳ đệ tử. Bồ-tát căn giả, tu Phổ Hiền hạnh, tòng ngã lập danh.

Việt dịch:

Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con đã từng làm Pháp vương tử cho chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó, là theo tên con mà đặt tên.”

Giải giảng:

Bồ-tát Phổ Hiền là vị Bồ-tát có hạnh nguyện rất rộng lớn. Ngài phát 10 đại nguyện vương mà chúng ta thường tụng vào thời công phu khuya. Mười nguyện đó là:

1. Lễ kính chư Phật.
2. Xưng tán Như Lai.
3. Quảng tu cung dường.
4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức.
6. Thỉnh chuyển pháp luân.
7. Thỉnh Phật trụ thế.
8. Thường tùy Phật học.
9. Hằng thuận chúng sinh.
10. Phổ giai hồi hướng.

Đây gọi là Mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền. Trong kinh Hoa Nghiêm, có nguyên một phẩm, gọi là ‘*Phổ Hiền hạnh nguyện.*’ Công hạnh và nguyện lực của ngài rất lớn, và vì thế nên ngài có cơ cảm rất lớn với chúng sinh. Ngài cỡi trên voi trắng sáu ngà. Màu trắng tượng trưng cho Nhất Phật thừa, và sáu ngà tượng trưng cho Lục độ ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con đã từng làm Pháp vương tử cho chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Trong quá khứ, con đã từng là Pháp vương tử. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền—có nghĩa là những vị có thiên hướng tu tập hạnh Bồ-tát—hạnh đó, là theo tên con mà đặt tên.”

Kinh văn:

世尊我用心聞。分別眾生所有知

見。若於他方恒沙界外。有一眾生心中發明普賢行者。我於爾時乘六牙象。分身百千皆至其處。縱彼障深未合見我。我與其人暗中摩頂。擁護安慰令其成就。

Thế tôn, ngã dụng tâm văn, phân biệt chúng sanh sở hữu tri kiến. Nhược u tha phương hằng sa giới ngoài, hữu nhất chúng sanh, tâm trung phát minh Phổ Hiền hạnh giả, ngã u nhĩ thời thừa lục nha tượng, phân thân bách thiên giai chí kỳ xứ, Túng bỉ chướng thâm vị hợp kiến ngã. Ngã dĩ kỳ nhân âm trung ma đánh. Ứng hộ an uý, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, con dùng tâm để nghe và phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài, nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cõi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, con cũng thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến họ được sự thành tựu.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, con dùng tâm để nghe—Con không dùng nhĩ căn để nghe mà dùng tâm—phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Khi con phân biệt rõ về mọi tri kiến

của chúng sinh, con không dùng tâm phân biệt, mà dùng chân tâm, để xác định rõ căn tánh của từng chúng sinh. Con làm được việc này không những chỉ trong thế giới này, mà cả trong các cõi giới khác. **Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài—dù những nơi rất xa, cách xa cõi nước này rất nhiều—nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cõi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Con liền phân thân trăm ngàn thân rồi đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, Con vẫn giúp cho, thăm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi,**

Những người siêng năng tu đạo có khi cảm thấy như có kiến bò, hoặc như có ai đang xoa nhẹ trên đỉnh đầu. Đôi khi có người cảm thấy như có con gì bò trên mặt. Khi có điều này xảy ra, quý vị đừng có cố gắng lấy tay mình xua tan cảm giác đó đi. Nguyên nhân đó là chư Phật và Bồ-tát đang xoa đầu quý vị. Nếu quý vị để ý, sẽ thấy được điều này. Các ngài đang an ủi, động viên chúng ta, thế nên quý vị đừng tìm cách xua tan cảm giác ấy đi. Nếu quý vị thành tâm, sẽ cảm nhận được điều này.

Con khiến cho họ được sự thành tựu. Con giúp cho họ được thành tựu trong việc tu đạo.

Kinh văn:

佛問圓通我說本因，心聞發明分別自在斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã thuyết bản nhân, tâm văn phát minh, phân biệt tự tại, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân của con là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân basic cause—của con—kinh nghiệm con đã thực hành trong nhân địa, là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất. Con lắng nghe để phân biệt rõ tri kiến của từng chúng sinh. Sự phân biệt này do từ chân tâm và được thể hiện một cách tự tại, và con đạt được sự tự chủ. Đây là phương pháp thù thắng nhất.

Chúng ta không nên nổi sân hận, vì nếu nổi sân, thì ma chướng sẽ đến ngay. Hãy bớt nóng giận một chút và để tâm nhiều hơn vào việc tu học Phật pháp.

VIÊN THÔNG TỊ THỨC

Tôn-đà-la Nan-đà

Kinh văn:

孫陀羅難陀。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家從佛入道。雖具戒律於三摩提。心常散動，未獲無漏。世尊教我及俱絺羅觀鼻端白

Tôn-đà-la Nan-đà tức tông toà khởi, đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ xuất gia tông Phật nhập đạo. Tuy cụ giới luật, ư tam-ma-đề, tâm thường tán động, vị hoạch vô lậu. Thế tôn giáo ngã cập Câu-hi-la quán tị đoan bạch.

Việt dịch:

Tôn-đà-la Nan-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu. Thế tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng.”

Giải thích:

Nan-đà, A-nan-đà và Tôn-đà-la Nan-đà là ba anh em họ của Phật. *Tôn-đà-la* là gọi theo tên người vợ của ông là Sundari, có nghĩa là đẹp. Cô ta rất quyến rũ. Nan-

đà, phần sau trong tên gọi ấy có nghĩa là ‘thiện.’ Vì có nhiều đệ tử cùng tên, nên Nan-đà được đặt tên như vậy, có nghĩa là là Nan-đà của *Tôn-đà-la*.

Tôn-đà-la Nan-đà¹ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu.

Con theo Phật tu đạo, tuy giữ giới luật nghiêm túc nhưng định lực chưa tròn đầy. Tâm con luôn luôn dao động. Con chưa thành tựu được quả vị vô lậu.

Thế tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng. Vì tâm con quá tán loạn, Đức Phật dạy con và Ma-ha Câu-hi-la, cậu của Xá-lợi-phất, hãy quán sát tướng chót mũi, và hãy quán tướng điểm màu trắng trên chóp mũi trong khi cả hai mắt đều chăm nhìn vào đó.”

¹ S;p: Nanda. Ý dịch là Hoan hỷ 歡喜, Gia lạc 嘉樂. Em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, sau xuất gia làm đệ tử của Đức Phật, được tôn xưng là bậc biết điều hoà các căn đệ nhất. Vì để phân biệt với Mục ngưu Nan-đà 牧牛難陀 mà ngài được gọi là Tôn-đà-la Nan-đà 孫陀羅難陀 (s: Sundara-nanda). Sau khi xuất gia, khó quên người vợ đẹp là Tôn-đà-lợi 孫陀利 (s: Sundarī) nên thường về nhà. Đức Phật dùng nhiều phương tiện răn dạy ngài mới đoạn được ái dục và chứng quả A-la-hán. Ngài Mã Minh đã theo chuyện này mà sáng tác tác phẩm *Tôn-đà-la Nan-đà thi* 孫陀羅難陀詩; s: *Sundarananda-kāvya*.

Kinh văn:

我初諦觀經三七日。見鼻中氣出入如煙。身心內明圓洞世界。遍成虛淨猶如琉璃。煙相漸銷。鼻息成白

Ngã sơ đề quán, kinh tam thất nhật. Kiến tị trung khí xuất nhập như yên. Thân tâm nội minh viên đồng thế giới. Biến thành hư tịnh, do như lưu ly. Yên tướng tiệm tiêu. Tị tức thành bạch

Việt dịch:

Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi một ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng, thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới. Khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng.

Giải thích:

Tôn-đà-la Nan-đà tiếp tục trình bày: Khi con hành trì theo phương pháp này, **Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi một ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng.** Con tập trung sức chú ý vào chóp mũi. Sau hai mươi một ngày, hơi thở giống như khói, **thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới.** Bên trong như có ánh sáng và con thấy rõ những gì đang diễn ra trong các cõi giới, đến mức thấy **khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly.** Thân tâm của con và thế giới trở thành rỗng không và thuần một thể

thanh tịnh. Tất cả đều rõ ràng rỗng suốt như ngọc lưu ly. Hơi thở nơi mũi con biến thành màu trắng, nhưng nó dần dần giảm đi. **Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng.** Từ sự quán tưởng hằng ngày như vậy, hơi thở con trở nên trắng như điểm sáng trắng trên chót mũi của con.

Kinh văn:

心開漏盡。諸出入息化為光明。照十方界得阿羅漢。世尊記我當得菩提。

Tâm khai lậu tận, chư xuất nhập tức hoá vi quang minh, chiếu thập phương giới. Đắc A-la-hán, Thế Tôn ký ngã đương đắc bồ-đề.

Việt dịch:

Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch, hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A-la-hán. Thế tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị bồ-đề.

Giải giảng:

Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch. Khi hơi thở của con trở nên màu trắng, tâm con bỗng nhiên được giác ngộ, sạch hết mọi lậu hoặc. **Mỗi hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A-la-hán.** Ban đầu hơi thở của con giống như khói, rồi nó trở thành màu trắng như điểm sáng trắng trên chót mũi, và cuối cùng nói biến thành hào quang! Ánh sáng chiếu khắp pháp giới trong mười

phương. Thế tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị bồ-đề. Đức Phật bảo rằng trong tương lai, con chắc chắn sẽ thành Phật.

Kinh văn:

佛問圓通。我以銷息，息久發明。明
圓滅

漏斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ tiêu tức, tức cửu phát minh. Minh viên diệt lậu, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng phép nhiếp niệm vào hơi thở, dùng lặng lâu ngày nên phát ra sáng suốt. Sự sáng suốt viên mãn, trừ sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp hay nhất.

Giải thích:

Tôn-đà-la Nan-đà trình bày rằng pháp tu tị thức là thù thắng hơn cả. Đối với ông ta, đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG THIẾT THỨC
Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử

Kinh văn:

富樓那彌多羅尼子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來辯才無礙。宣說苦空深達實相。如是乃至恒沙如來。祕密法門我於眾中。微妙開示得無所畏。

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử tức tòng toà khởi. Đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai biện tài vô ngại. Tuyên thuyết khổ không, thâm đạt thật tướng. Như thị nãi chí hằng sa Như Lai bí mật pháp môn, ngã ư chúng trung vi diệu khai thị, đắc vô sở úy.

Việt dịch:

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại. Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật. Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng. Con đạt được sức vô úy.”

Giảng giải:

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử (Purnamaitreyaniputra)

là tên gọi theo họ cha và họ mẹ. **Phú-lâu-na** (Pūrṇa) có nghĩa là Mãn-滿 đó là họ của cha. **Di-đa-la-ni-Maitreyani** có nghĩa là Từ 慈; Putra có nghĩa là con (子 tử). Thế nên tên của ngài có nghĩa là *con trai của người có lòng từ rộng lớn*.

Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại.

Có bốn loại biện tài vô ngại:

1. Pháp vô ngại biện 法無礙辯: Có năng lực giảng nói các pháp một cách viên dung vô ngại.
2. Nghĩa vô ngại biện 義無礙辯: Có khả năng giảng nói nghĩa lý các pháp dung thông vô ngại.
3. Từ vô ngại biện 辭無礙辯: Có năng lực sử dụng một câu, một lời nói, mà diễn bày vô lượng nghĩa lý mầu nhiệm một cách vô ngại. Lại có khả năng đem vô lượng diệu nghĩa quy nạp thành trong một lời nói, một câu chữ
4. Nhạo thuyết vô ngại biện 樂說無礙辯: Có năng lực tùy thuận niềm hỷ lạc của mọi chúng sinh, khéo léo dùng các phương tiện để thuyết pháp cho mọi người nghe mà không mệt mỏi nhàm chán.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử không giống như Châu- lợi Bàn-đà đã từ chối giảng pháp khi mình đã là một vị Tam tạng Pháp sư. Và quả báo là ông ta đã bị ngu đần. Phú-lâu-na không như vậy, rất hoan hỷ trong việc giảng pháp.

Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật.

Ngài giảng giải rõ ràng về bản chất vô thường, khổ, không, vô ngã của các pháp. Cho đến giải thích rõ ràng diệu lý chân như thực tướng của các pháp, thực tướng tức là vô tướng, nhưng chẳng có pháp nào là chẳng có tướng.

Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng.

Phú-lâu-na có thể giảng nói về các pháp bí mật vi diệu của Như Lai và khiến cho họ thâm nhập nghĩa lý sâu mầu.

Con đạt được sức vô úy. Con đã thành tựu được năng lực nhạo thuyết biện tài và vô úy.

Kinh văn:

世尊知我有大辯才。以音聲輪教我發揚。我於佛前助佛轉輪。因師子吼成阿羅漢。世尊印我說法無上。

Thế Tôn tri ngã hữu đại biện tài, dĩ âm thanh luân, giáo ngã phát dương. Ngã ư Phật tiền trợ Phật chuyển luân, nhân sư tử吼 thành A-la-hán. Thế Tôn ấn ngã thuyết pháp vô thượng.

Việt dịch:

Thế tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh

pháp. Con theo giúp Phật chuyển pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A-la-hán. Thế tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.

Giảng giải:

Phú-lâu-na thành tựu đạo quả là nhờ thiết thức—*tongue-consciousness*. Ngài được như vậy là nhờ siêng năng giảng pháp. Thế nên quý vị thấy, có thể ngộ đạo và chứng quả nhờ siêng năng giảng pháp. Tất cả việc cần làm là quý vị đi sâu vào pháp môn mình đang hành trì. Hãy quyết định dứt khoát một pháp môn và tu tập thật siêng năng. Đừng tán loạn tâm ý khi tu tập, ngày nay áp dụng phương pháp này, ngày mai đổi sang pháp môn kia, rồi ngày sau đổi ý, chọn phương pháp khác nữa. Khi thay đổi như vậy, quý vị chỉ phí thời gian vô ích, và quý vị không bao giờ thâm nhập vào một pháp tu nào cả. Quý vị phải chọn dứt khoát một pháp môn và tinh cần công phu vào pháp môn ấy.

Thế tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh pháp. Không có người nào có thể tranh luận hơn Phú-lâu-na. Khi ngài giảng pháp, âm thanh tròn đầy, vang vọng rất mạnh. Với số đông chừng một ngàn hay một vạn người, cũng chẳng cần micro hay loa phóng thanh, họ vẫn có thể nghe được rất dễ dàng. “Đức Phật dạy con hãy giảng kinh và thuyết pháp.” **Con theo giúp Phật chuyển pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A-la-hán.** Con sẽ tuyên dương giáo pháp của

Đức Phật, lời giảng của con như tiếng gấm của loài sư tử. Khi sư tử rống lên, các sinh vật khác đều sợ hãi.

Khi thiên ma và ngoại đạo nghe tiếng rống này, chúng đều quy phục. **Thế tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.**

Kinh văn:

佛問圓通我以法音。降伏魔怨銷滅
諸漏斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ pháp âm hàng phục ma oán, tiêu diệt chư lậu, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng phục ma oán, diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông. Với lời nói, con diễn bày pháp âm hàng phục ma oán. Con hàng phục thiên ma và chuyển hoá ngũ dục, tài sắc danh thực thùy. Năm món dục này là kẻ cướp lấy sạch tài sản quý báu của con người. Theo phương pháp này, con **diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất.** Con dùng thiết thức, con tuyên bày diệu pháp. Đây là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Ưu-ba-ly

Kinh văn:

優波離即從座起。頂禮佛足而白佛言。我親隨佛踰城出家。親觀如來六年勤苦。親見如來降伏諸魔制諸外道。解脫世間貪欲諸漏

Ưu-ba-ly tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã thân tùy Phật du thành xuất gia. Thân quán Như Lai lục niên cần khổ. Thân kiến Như Lai hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo, giải thoát thế gian tham dục chư lậu.

Việt dịch:

Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con được theo Phật vượt thành xuất gia, tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh, đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo, và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian.”

Giải thích:

Ưu-ba-ly là người trì giới đệ nhất. Tên ngài trong tiếng Sanskrit có nghĩa là Thượng thủ—superior leader. Ngài không bao giờ phạm một điều giới dù là nhỏ nhất.

Tên ngài lúc còn cư sĩ là Channa (Xa-nặc 車匿).¹ Ông là người cùng với Thái tử rời bỏ hoàng cung rồi vào rừng xuất gia. Ông rất quen thuộc với những sự kiện trong đời Đức Phật vì ông là người sống với Đức Phật lâu nhất. Khi năm vị tỷ-khuru (năm anh em ông Kiều-trần-na) rời bỏ Đức Phật, Ưu-ba-ly không đi mà vẫn ở với ngài và giúp đỡ cho Thái tử khi ngài đang tu đạo. **Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch**

¹ Xa-nặc 車匿 (s: Chandaka; p: Channa). Còn gọi Xiển-đặc-ca 闍錫迦, Chiên-đàn 旃檀, Sần-đà 孛陀. Hán dịch là Ứng tác 應作, Dục tác 欲作, Phú tàng 覆藏. Là người hầu của vua Tịnh Phạn. Là người đánh xe cho Thái tử vượt thành xuất gia. Sau cũng theo Phật xuất gia. Ban đầu Xa-nặc là một trong Lục quân Tỷ-khuru, không chịu sửa đổi tánh ác khẩu, ngạo mạn của mình, phạm tội không chịu sửa đổi, không hoà hợp với các tỉ-khuru, nên có tên là Ác khẩu Xa-nặc, Ác tánh Xa-nặc. Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, Xa-nặc có phần tỉnh ngộ, theo học với A-nan và chứng quả A-la-hán. Điều này được ghi trong *Phật sử hành tảo*, *Du hành kinh*, *kinh Trường A-hàm 4*, và nhiều nơi khác. Còn Ưu-ba-ly S;P: Upāli. Còn gọi là Ưu-bà-ly 優婆離, Ô-bà-ly 鄒波離, Ưu-bà-lợi 憂波利. Ý dịch Cận Chấp 近執, Cận Thủ 近取. Xuất thân từ chủng tộc Thủ-dà-la, làm thợ hót tóc trong cung vua. Khi các vương tử họ Thích xuất gia thì ông cũng xuất gia. Đây là sự thể hiện tinh thần bình đẳng của Đức Phật khi nhận người xuất gia. Ưu-ba-ly tu trì rất trang nghiêm, giỏi trì luật, được khen tặng là “Trì giới đệ nhất”. Khi kết tập kinh điển lần thứ nhất, ngài được cử tụng lại Luật bộ. Điều này được ghi trong *Phật bản hạnh tập kinh 53-55*, *Kinh Trung A-hàm 52*. Còn trong *Kinh Trung A-hàm 32*, có nói về Ưu-ba-ly, nhưng đó là cư sĩ Ưu-ba-ly, không liên quan gì đến Xa-nặc. Nay HT. Tuyên Hoá cho hai nhân vật này là một. Không rõ HT. đã căn cứ vào kinh nào. Nay xin nêu ra những điểm này để nhờ quý vị thức giả bổ sung.

Phật rằng, “Con được theo Phật vượt thành xuất gia. Lúc đó, Ưu-ba-ly, khi đó chưa xuất gia, còn gọi là Xa-nặc, đầu tiên theo Thái tử ra cổng thành về hướng Đông. Thái tử lúc ấy rất vui thích, vì lâu ngày ở trong cung điện rất buồn chán. Ngài thấy một người phụ nữ đang sinh một đứa bé bên lề đường. Cô ta đang khóc lóc than vãn trong cơn quặn đau. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Điều gì vậy? Sao cô ta khóc lóc đau đớn như thế?” Khi Xa-nặc giải thích xong, Thái tử xúc động và nhận ra rằng sự sinh nở có liên quan rất nhiều đến cái khổ. Sau khi người mẹ sinh xong, đứa bé được chào đời, Thái tử cảm thấy không còn vui thú gì nữa nên bảo Xa-nặc, “Chúng ta trở về thôi! Hôm nay xem thế là đủ rồi!”

Ngày hôm sau họ cùng đi về cổng thành phía nam. Thái tử thấy một lão già. Đầu ông ta lác lư, mắt mờ, răng đã rụng sạch, và hầu như không còn đi được. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Người đó sao vậy?”

–Người ấy quá già. Xa-nặc trả lời.

–Ồ! –Thái tử kêu lên–Người già như vậy đó sao! Thật là quá khổ.

Lần này nữa, Thái tử cũng không muốn đi đâu nữa, bảo Xa-nặc trở về.

Ngày thứ ba họ cùng đi về cổng thành phía tây, họ thấy một người đang mắc phải cơn bệnh rất ngặt nghèo. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Tại sao thân thể người đó lại khủng khiếp như vậy ?” Xa-nặc trả lời, “Người ấy đang bị bệnh.” Một lần nữa, Thái tử thấy thương cảm trong lòng và không muốn đi chơi xa nữa.

Ngày thứ tư họ cùng đi về cổng thành phía bắc họ thấy một người vừa chết. Khi Thái tử hỏi về sự kiện này, Xa-nặc trình bày sự chấm dứt cuộc sống của con người—cái chết—là như vậy.

Thái tử choáng váng với các cảnh vừa thấy, sinh lão bệnh tử. Vào lúc đó, có một vị tỷ-khuru đắp y ca-sa đi qua. Khi Thái tử thấy vị tỷ-khuru, ngài hỏi Xa-nặc đó là ai? Xa-nặc trả lời:

—Ngài hãy hỏi vị ấy để được nghe lời giải thích.

Thái tử, mà sau nay là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền hỏi vị tỷ-khuru:

—Ngài là ai?

—Tôi là người xuất gia.

—Có nghĩa là sao?

—Người đã từ bỏ cuộc sống gia đình, tu đạo, được gọi là tỷ-khuru. Họ xuất gia để mong thoát khỏi những cái khổ của sinh lão bệnh tử. Khi đã thể nhập vào Đạo, sẽ thấy không còn có sinh cũng như chẳng còn có diệt—nên chúng ta không còn bị rơi vào sinh hoặc chết, chúng ta có thể đạt được đạo quả.

—Ngài có thể cho tôi biết làm sao để được xuất gia? Ngài có thể nhận tôi làm đệ tử được không?

Vị tỷ-khuru vốn là chư thiên từ cõi trời Tịnh cư—Heaven of Pure Dwelling. Thất nhân duyên đã chín muồi, vị ấy liền hoá thân để gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giữa đường. Khi Thái tử xin vị tỷ-khuru hãy làm

thầy của mình thì vị tử-khuru liền buông gậy xuống đất và bay về trời. Thái tử không còn cách nào để học đạo và chẳng biết làm sao để xuất gia, nên chỉ còn cách trở về hoàng cung.

Lúc ấy, một vị thầy tướng số xem tướng mạo của Thái tử nói cho Vua rằng, “Trong vòng bảy ngày nữa nếu Thái tử không xuất gia, ngài sẽ làm một vị Chuyển luân thánh vương, ngài sẽ trị vì khắp các cõi nước trên thế gian. Việc bệ hạ cần làm là giữ Thái tử trong hoàng cung suốt bảy ngày sắp tới.”

Từ đó, vua Tịnh Phạn canh chừng và cắt phiên cho ngự lâm quân canh gác quanh hoàng cung, cắt đứt mọi phương tiện ra vào cung điện. Lệnh giới nghiêm được ban ra và không ai được ra vào hoàng cung. Như vậy Thái tử bị giam lỏng và canh chừng suốt mọi lúc. Với cách này, vua Tịnh Phạn hi vọng rằng con của ngài, Thái tử Tất-đạt-đa sẽ đạt được ngôi vị của một bậc Chuyển luân thánh vương.

Chuyển luân thánh vương là người trị vì bốn châu thiên hạ: Đông thắng thân châu, Tây ngưu hoá châu, Nam thiêm bộ châu và Bắc-câu-lư châu.¹ Một thế giới hệ bao gồm bốn đại châu này, một mặt trời, một mặt

¹ Nam thiêm bộ châu 南瞻部洲 (s: Jambudvīpa), Đông thắng thân châu 東勝神洲, Đông Phát-bà-đề (s: Pūrāvādeha). Tây ngưu hoá châu 西牛貨洲; Tây Cù-đà-ni 西瞿耶尼 (s: Aparagodāniya). Bắc-câu-lư châu 北瞿盧洲 (s: Uttarakuru). Còn gọi Thắng xứ.

trăng và núi Tu-di.¹ Một ngàn tiểu thiên thế giới hệ là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới được gọi là một đại thiên thế giới. Đây là ý nghĩa của Tam thiên đại thiên thế giới. Một vị Chuyển luân thánh vương cai trị một tiểu thiên thế giới.

Thái tử có thiện căn rất lớn, nên dù có bị canh chừng rất nghiêm ngặt, ngài vẫn không hề bối rối. Vua Tịnh Phạn cho dẫn đến cung điện của Thái tử rất nhiều phụ nữ đẹp. Nhưng thái tử vẫn xem họ với đôi mắt bàng quan, như là không thấy, như là không nghe. Đúng là:

Mắt thấy sắc nhưng trong tâm chẳng có gì.

Tai nghe tiếng nhưng tâm chẳng hề biết.

Hoặc là:

Trong chẳng có thân tâm,

Ngoài chẳng có thế giới.

Thế rồi vị thiên thần ở cõi trời Tịnh cư lại hiện ra bảo với Thái tử rằng, “Thái tử, ngài ham vui ngũ dục thế gian mà quên đi lời phát nguyện trong đời

¹ Tu-di sơn 須彌山; S: meru, sumeru;

Theo vũ trụ quan của Ấn Độ cổ thì Tu-di là trung tâm của vũ trụ và là trú xứ của chư Thiên. Về núi Tu-di thì hai quan niệm vũ trụ của Bà-la-môn và Phật giáo giống nhau, ngoài ra chúng lại có nhiều chỗ khác nhau về các hệ phụ thuộc.

Theo quan niệm Phật giáo thì xung quanh núi Tu-di là biển cả và lục địa bao bọc; dưới núi Tu-di là cõi của loài Ngạ quỷ (s: preta), phía trên là tầng của các Thiên giới (s: deva) cao cấp, các tầng Sắc giới (s: rūpaloka) cũng như các tầng Vô sắc giới và các cõi Tịnh độ.

trước hay sao? Ngài có còn nhớ lời nguyện trong kiếp trước không?”

Thái tử Tất-đạt-đa trả lời, “Tôi không quên, nhưng nay tôi không biết phải làm sao để thực hiện lời nguyện ấy.”

Vị thiên thần ở cõi trời Tịnh cư lại nói, “Nếu ngài không quên lời nguyện, và vẫn còn ý định xuất gia thì tôi sẽ giúp ngài.”

Thái tử nói, “Thế thì rất hay!”

Thiên thần bảo Xa-nặc-có nghĩa là Ưu-ba-ly mà bây giờ chúng ta đang được đề cập đến—hãy chuẩn bị ngựa, rồi bảo Thái tử và Xa-nặc ra sau vườn hoàng cung để trốn đi. Lúc ấy, Tứ thiên vương¹ xuất hiện, mỗi vị đỡ lấy một chân ngựa rồi nhắc bổng cả ngựa xe, Thái tử và Ưu-ba-ly lên không trung và bay theo. Họ vượt qua mây trời và cõi sương mù đi xa hơn 3 do-tuần² rồi dừng lại trong Núi Tuyết.³

¹ Còn gọi Hộ thế Tứ vương thiên. Gồm:

1. Trì quốc thiên (s: Dhṛtarāṣṭra 持國天) ở phương Đông;
2. Quảng mục thiên (s: Virūpākṣa 廣目天) ở phương Tây;
3. Tăng Trưởng thiên (s: Virūdhaka 增長天) ở phương Nam.
4. Đa văn thiên 多聞天 hoặc Tì-sa môn thiên vương (s: Vaiśravaṇa) ở phương Bắc;

²(s: yojana; Quãng đường dài từ 15-20 km. Do ngữ căn *yuj* mà lập nên danh từ này. Chỉ cho quãng đường mà sức bò kéo đi được một ngày. Căn cứ *Đại Đường Tây Vực ký* của ngài Huyền Trang, Do-tuần là quãng đường mà các vị Đế vương hành quân trong một ngày.

³ Tức Hy-mã-lạp-son (Himalaya). E: Snowy Mountains.

Thái tử tu tập ngay khi đến núi. Như lời hứa của thiên thân, ở đó đã có đủ lúa gạo và mè. Mỗi ngày Thái tử dùng một hạt mè để sống. Rồi có ba người trong dòng họ của vua cha, hai người thuộc dòng họ mẹ cùng đến để tu tập với ngài. Có ba người không chịu nổi cảnh cực khổ của đời tu nên bắt đầu hoài nghi, “Tu tập khổ như thế này, bao giờ mới thành Phật được? Hãy về đi thôi!” ba người này bỏ đi và đến Vườn Nai (Lộc dã uyển) để tu tập. Sau có một thiên nữ dâng cúng một bát sữa cho Thái tử, vì thấy thân thể ngài chỉ còn da bọc xương. Sau khi uống sữa, ngài thấy thân thể trở nên bình thường. Nhưng hai người còn ở lại tu tập với ngài thấy vậy liền nghĩ rằng, “Trước đây Thái tử chịu được khổ hạnh, nhưng nay thì hết chịu nổi được rồi. Thái tử đã uống sữa, ông ta sẽ chẳng thành tựu được điều gì. Lẽ ra Thái tử đừng dùng thứ ấy. Chúng ta hãy đi thôi!” Thế nên những người thân cận thuộc dòng họ cha và dòng họ mẹ rời bỏ ngài ra đi, chỉ còn lại Ưu-ba-ly. Nên Ưu-ba-ly nói rằng, “Chính con đã cùng Phật vượt thành xuất gia. Chính con đã ở cùng ngài trong vườn hoàng cung khi ngài lên ngựa ra khỏi thành. **Tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh**, trong sáu năm ngài đã chịu đựng sự khổ hạnh, chịu đựng những điều khổ nhẫn chịu. Con **đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian**. Đáng lẽ Thái tử thành Phật ngay khi còn ở trong Núi Tuyết, nhưng ngài còn e ngại rằng chúng sinh đời sau sẽ hiểu lầm rằng, để thành Phật, họ phải tu tập vô cùng

khỏ hạnh. Thế nên ngài không thiên định trong núi vắng nữa mà đi đến cây bồ-đề, ngài ngồi dưới cây này và thệ nguyện rằng sẽ không rời cây nếu chưa thành Phật.

Sau khi Đức Phật ngồi thiền định dưới gốc cây bồ-đề 49 ngày, ma vương trong cõi Lục dục thiên được báo mộng. Ông ta mơ thấy có 32 hoá thân. Khi tỉnh dậy, ông ta suy gẫm để tìm ra nguyên nhân đã dẫn đến giấc mơ, ông ta phát hiện ra có một vị Bồ-tát đang ngồi thiền dưới gốc bồ-đề và sắp thành Phật. Ông ta nghĩ, “Điều này không thể nào xảy ra được. Ta phải tìm mọi cách phá huỷ định lực của người này.” Ông ta liền phái đi bốn ma nữ, họ đều rất đẹp. Ma quỷ là loài yêu quái, nhưng họ cũng không thích sự xấu xí. Họ được phái đến để quấy rối định lực Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bằng sự biểu hiện 32 tướng biến hoá rất hấp dẫn. Họ cố gắng quyến rũ cho được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Họ muốn Đức Phật cũng có những ý tưởng tham muốn tầm thường và xả bỏ định lực. Họ muốn kích động ham muốn của Đức Phật. Nhưng Đức Phật chẳng hề thích họ cũng như chẳng ghét họ. Dù ngài chẳng phải là rom rạ hay gỗ đá, như dân gian có câu, “Người chẳng phải là gỗ đá, sao nữ vô tình?” Nhưng Đức Phật đã vượt thắng nghiệm này và không hề bị chúng xoay chuyển. Ngài không bị dao động bởi ma lực của loài yêu nữ này. Ngài an trụ trong trạng thái như như bất động. Tâm ngài chẳng lay động mảy may, ngài không hề khởi niệm ái dục.

Gặp những cảnh này, ngài chẳng khởi niệm. Vào lúc này, Đức Phật quán chiếu về sự bất tịnh, tương tự

như chín đê mục đã nói ở trên (Cửu tướng quán). Ngài nghĩ rằng, “Ồ! Các người đến để thử thách ta. Dù bây giờ các người rất đẹp, nhưng rồi các người sẽ trở thành những bộ xương khô. Chín huyết trên thân thể các người thường xuyên tiết ra những thứ bất tịnh. Mắt tiết ra ghèn, tai tiết ra chất ráy, mũi tiết ra nước nhầy, miệng tiết ra đờm dãi, toàn là những thứ dơ dáy. Thêm vào đó, thân còn tiết ra phân và nước tiểu, các người lại càng bần thiêu hơn. Thêm vào đó, còn có nhiều vi trùng trong mỗi lỗ chân lông trên cơ thể các người. Toàn thân ấy đều là chất hôi thối.” Sự quán chiếu của ngài chuyển sang nhìn thấy bốn cô gái đẹp trở thành bốn bà phù thủy già nua. Họ nhìn nhau, thấy da của mỗi người nhăn nheo như chân gà và tóc họ bạc trắng như lông hạc. Mũi họ đang chảy nước nhờn và miệng đầy nước dãi. Thân thể họ vô cùng tiều tụy. Họ nhìn nhau rồi bắt đầu kinh tởm. Nhận ra rằng họ đã trở nên già cỗi và chẳng còn cách nào lừa phỉnh được Đức Phật nữa, nên chúng bỏ đi. Khi ma vương thấy bốn ma nữ thất bại trở về thì nó đích thân thống lĩnh ma con và ma cháu của nó đến để giết Đức Phật. Nhưng Đức Phật vẫn bất động. Ngài chẳng sợ. Ngài nhập vào Vô trính tam-muội. Nếu tâm quý vị dao động, ma liền hại quý vị. Còn nếu tâm quý vị bất động, thì nó chẳng làm gì mình được.

Còn có một ngoại đạo khác tên Thân Mục 申目 (Shen Jih)¹ trộn chất độc trong thức ăn rồi đem dâng cho Đức

¹ Bản Hán chép Thân Nhật 申日.

Phật. Khi Đức Phật thấy thức ăn, ngài nghĩ, “Nguyện rằng, như trong tâm ta chẳng có gì độc địa, thì khi ăn thực phẩm này, nó sẽ chẳng hại gì mình.” Rồi ăn thực phẩm ấy.

Các ngoại đạo khác ghen tức với Đức Phật. Trước khi Đức Phật đạt đến cảnh giới này, các giáo sĩ Bà-la-môn được xem là tối thượng. Mọi người đều quy hướng về họ. Nhưng sau khi Đức Phật tu tập khổ hạnh sáu năm và thành chánh giác, thì các đệ tử của ngoại đạo đều quy hướng về Đức Phật. Như Ca-diếp, Mục-kiền-liên, và Xá-lợi-phất đều đã từng là đệ tử của các ngoại đạo. Bởi vậy nên thủ lĩnh của các nhóm ngoại đạo rất ghen tức. Họ cho voi điên uống rượu—năm con voi điên như vậy—thả ra để hại Đức Phật. Ai có ngờ rằng khi 5 con voi dữ đến gần Đức Phật, ngài xoè bàn tay ra và 5 con sư tử hiện ra từ 5 ngón tay của ngài, 5 con voi điên run sợ gần chết. Đức Phật có năng lực hàng phục thiên ma và ngoại đạo thật là to lớn.

Ngài cũng đã hàng phục được ái dục. Ái là điều khó hàng phục nhất. Nó khiến cho con người sống như kẻ say và chết trong mộng mị. Nếu quý vị không trừ bỏ được ái dục, thì quý vị không thể nào trừ diệt được lậu hoặc. Quý vị còn lậu hoặc vì mình còn tham ái. Chúng sinh đều bị đắm chìm trong ái dục.

Nghiệp nặng tình mê là chúng sinh.

Nghiệp dứt tình không là chư Phật.

Chư Phật thành Phật là do các ngài đã dứt sạch ái dục. Chúng sinh mãi mãi làm chúng sinh vì nghiệp ái

dục của họ qua sâu dày, không thể nào thoát khỏi vòng trói buộc của luân hồi sinh tử, khiến họ phải trôi lăn trong tam giới.

Nếu không còn lậu hoặc, thì:

Biển khổ mênh mông,

Quay đầu là bờ.

Đó là sự thoát ly hẳn tham dục thế gian.

Kinh văn:

承佛教戒，如是乃至三千威儀八萬微細。性業遮業悉皆清淨。身心寂滅成阿羅漢。

Thừa Phật giáo giới, như thị nãi chí tam thiên oai nghi bát vạn vi tế, tánh nghiệp giá nghiệp tất giai thanh tịnh. Thân tâm tịch diệt thành A-la-hán.

Việt dịch:

Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh. Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A-la-hán.

Giảng giải:

Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy. Ưu-ba-ly đích thân theo Đức Phật từ khi ngài xuất gia, chính Ưu-ba-ly thấy Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm trong núi Tuyết; chính Ưu-ba-ly đã thấy Đức Phật ngồi dưới cây bồ-đề, và chứng ngộ khi nhìn thấy sao mai mọc; chính

Ưu-ba-ly thấy được Đức Phật hàng phục thiên ma ngoại đạo, cho đến khi thành tựu quả vị Phật. Ưu-ba-ly đều chứng kiến những sự kiện ấy. Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, ngài bắt đầu giảng dạy giáo pháp mà ngài đã chứng ngộ, ngài thấy Ưu-ba-ly là người khéo trì giới đệ nhất trong đại chúng từ vô lượng chư Phật trong quá khứ. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở cõi ta-bà và tu tập thành tựu đạo nghiệp, Ưu-ba-ly cũng liền thị hiện đến thế giới này. Thế nên Đức Phật dạy Ưu-ba-ly hãy tập trung hành trì giới luật trong Phật pháp.

Nay tôi sẽ giảng giải về giới luật, và các vị đều Phật tử đang học Phật pháp nên phải nghe cho kỹ.

Đầu tiên là năm giới:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Kế tiếp là 8 giới, gồm 5 giới đã nêu ở trước, cùng với 3 giới là,

6. Không trang sức thân thể mình bằng hương hoa, dầu thơm.
7. Không nằm ngòì giường cao rộng; và không xem, nghe ca nhạc.

Nhờ không nằm ngòì trên giường cao rộng, quý vị sẽ trừ được tâm ngã mạn tự cao.

8. Không ăn phi thời— eat at improper times.

Không ăn phi thời có nghĩa là không ăn sau giờ Ngọ. Không ăn sau giờ Ngọ giúp cho quý vị chế ngự được lòng tham, vì nếu quý vị muốn ăn lúc nào mình thích, thì quý vị sẽ thích ăn mọi thời. Cư sĩ cần nên giữ giới này.

Sa-di có 10 giới khác với giới của hàng cư sĩ tại gia. Không phải là sau khi thọ 5 giới xong là quý vị được xem như mình là người trong tăng đoàn. Giữ 8 giới cũng chưa được xem là thành viên trong tăng đoàn. Người thọ 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ-tát giới cũng chưa được xem là thành viên trong tăng đoàn. Để được làm thành viên trong tăng đoàn trước hết quý vị phải thọ 10 giới sa-di, rồi 250 giới tỷ-khuru, hoặc 348 giới tỷ-khuru ni, và thêm 10 giới trọng 48 giới khinh của Bồ-tát giới. Chẳng phải ngày nay quý vị đang ở nước Mỹ mà muốn lập nên một cách thức khác. Quý vị không thể lập nên một hệ thống giới điều khác rồi nói rằng, “Mọi người đều là thành viên của Tăng đoàn.” Tôi đã nghe nói rằng ngay cả bàn ghế cũng là thành viên của tăng đoàn! Ly tách chén đĩa cũng là thành viên của tăng đoàn—mọi thứ đều là Tăng đoàn! Điều này thật là kì cục—lạ kỳ không thể nói được. Trong trường hợp này, thì toàn thể thế giới không có gì chẳng phải là tăng gia. Nếu toàn vũ trụ vạn vật đều là Tăng-già, thế thì tại sao Tăng-già lại phải hoà hợp lại

với nhau mà thành. Tôi thấy đây là chuyện chưa từng được nghe bao giờ—nó thực là chưa từng có.

Chữ ‘giới luật’ xuất phát từ chữ *prātimokṣa*¹ trong tiếng Sanskrit. Còn gọi là *sīla*.² Nghĩa theo tiếng Hán là phòng phi chỉ ác.

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Một hôm có vị Ưu-bà-tắc lớn tuổi hỏi một vị Bồ-tát trưởng lão vốn là người đã xuất gia lâu năm rằng, làm sao để tu đạo. Vị trưởng lão trả lời, “Không làm các việc ác. Siêng làm các việc lành.”

Vị Ưu-bà-tắc lớn tuổi nói rằng. “Tôi đâu có cần ngài giải thích như vậy. Ngay cả trẻ con ba tuổi cũng biết điều ấy rồi.”

Vị trưởng lão giải thích, “Trẻ con lên ba có thể biết được điều ấy, nhưng ông lão tám mươi thì không chịu làm việc này.

Thời đại ngày nay một số người lập thành nhóm và tự gọi mình là ‘Tăng-già.’ Quý vị hãy coi lại thử họ giữ được bao nhiêu giới? Nếu chẳng giữ giới đầy đủ trọn

¹ Ba-la-đề-mộc-xoa. Hán dịch Tùy thuận giải thoát 隨順解脫, Xứ xứ giải thoát 處處解脫, Biệt biệt giải thoát 別別解脫, Tối thắng 最勝, Vô đẳng học 無等學. Các giới này giúp phòng hộ các căn, tăng trưởng thiện pháp. Là lối vào ban đầu của các pháp tối thắng (s: pramukha; p: pamukha).

² S: sīla. Phiên âm Thi-la 尸羅, Thi-đát-la 尸怛羅. Hán dịch thanh lương 清涼, Cự dịch tính thiện 性善. Còn dịch là giới 戒.

vẹn thì chẳng được gọi là Tăng-già. Nếu họ phản đối và nói rằng họ là khác và mới cải cách, thế thì họ đừng nên gọi mình là đạo Phật. Nếu họ vẫn không tôn trọng và vẫn bám chặt vào những giới luật lâu đời của đạo Phật, thế thì đạo Phật mà họ đang theo là như thế nào? Họ sẽ trả lời, “Tân Phật giáo—Neo-Buddhists.” Thế thì hãy hỏi họ có cái gì mới trong đó? Chính Đức Phật có khả năng giảng dạy giáo pháp ở cõi trời, ở địa ngục, ngài có năng lực giáo hoá trong cõi người và đến cả long cung để thuyết pháp. Thế những người thuộc Tân Phật giáo này giảng pháp ở chỗ nào? Hãy hỏi họ như vậy.

Họ sẽ trả lời rằng, “Đó là chuyện hoang đường. Dĩ nhiên là chúng tôi không thể đến đó được. Các ông có thể tạo ra chuyện huyền thoại của riêng mình. Các ông cứ sống với chuyện hoang đường ấy.”

Nếu có người nào đó có được năng lực giống như bất kỳ một đệ tử nào của tôi (đã khai ngũ nhãn) trong hội chúng này, thì họ vẫn không có quyền thay đổi nền tảng giáo lý Phật pháp, và họ vẫn không được tỏ ra là mình quá thông minh linh lợi. Họ có quyền gì mà sửa đổi Phật pháp? Khi quý vị kinh doanh, phải có vốn liếng. Nếu quý vị muốn làm quan chức cao trong chính phủ, quý vị phải học hành đỗ đạt có bằng cấp. Nếu những người này muốn lập thành Tân Phật giáo, nền tảng của họ là gì?

Lời họ đối đáp sẽ là, “chúng tôi dạy giáo lý Tứ diệu đế của Đức Phật, dạy Lục độ, mười hai nhân duyên, và tụng thân chú của chư Phật. Chúng tôi đọc tụng các kinh điển của Phật.”

Hãy hỏi lại họ, “Nếu quý vị đọc kinh Phật và trì tụng thần chú của Phật, thì có gì mới?” Đó thật là điều nghịch lí.

Tôi mong rằng quý vị Phật tử ở Mỹ hãy nỗ lực phản ứng với những sai lầm này. Nếu không, sự suy tạn của đạo pháp chắc chắn sẽ xảy ra. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tiên đoán rằng trong thời mạt pháp, ma con và ma cháu sẽ đến thế giới này với lực lượng rất hùng hậu. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hàng phục ma vương và thu nhiếp ngoại đạo, ma Ba-tuần, đã biết việc này. Nó nói rằng, “Tôi biết là lúc này không làm được gì ngài, nhưng trong tương lai tôi sẽ phá hoại giáo pháp của ngài.”

Đức Phật hỏi lại, “Làm sao mà ông làm được việc ấy?”

“Tôi sẽ cho con cháu tôi len vào trong Tăng đoàn của ông. Ăn uống như các ông, đắp y như các ông, và đại tiểu tiện phân và nước tiểu vào trong bình bát của các ông. Con cháu tôi sẽ phá hoại Phật pháp từ chính trong Tăng đoàn các ông.”

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ lâu đã thấy được những điều đang diễn ra ngày hôm nay.

Họ đắp y Như Lai.

Họ dùng thực phẩm của Như Lai.

Nhưng trong đạo Phật, họ không làm đúng như những gì Đức Phật đã làm.

Ngài Ưu-ba-ly là vị giữ giới luật hàng đầu trong số các đệ tử của Đức Phật. Trong đạo Phật, có những vị

Luật sư chuyên nghiêm trì giới luật, có những vị Pháp sư chuyên giảng kinh thuyết pháp. Pháp sư có hai nghĩa: một là những vị chuyên giảng pháp cho người khác, và hai là người nhận giáo pháp làm thầy của mình, họ tham cứu kinh luận để tu tập. Còn có những vị Thiền sư, họ chuyên tham thiền và tĩnh tọa.

Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, mọi chúng sinh đều nương vào Đức Phật như là bậc thầy dẫn đường. Khi Đức Phật nhập diệt, ngài khuyên tỷ-khuru, tỷ-khuru ni hãy nhận giới luật làm thầy. Thế nên điều quan trọng nhất đối với chư tăng ni là phải nghiêm trì giới luật. Luật sư như ngài Ưu-ba-ly là vị đặc biệt tinh nghiêm giới luật. Ngài nói, **Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi,**

Con số ba ngàn oai nghi là do từ 250 giới của tỷ-khuru nhân với bốn oai nghi—đi đứng nằm ngồi, thành 1000; nhân với 3 nghiệp, thân khẩu ý, thành 3000.

Mỗi oai nghi đi đứng nằm ngồi đều có điểm đặc biệt của nó.

1. Đi như gió. Gió đây không phải là bão tố cuồng phong, mà như hơi thở nhẹ, như gió thu. Nên đi chậm rãi với phong cách vững chãi, không nên đi vội vã như chạy về phía trước.
2. Đứng như cây thông: Đứng thẳng mình như cây thông, không nghiêng ngã hoặc dựa bên này bên kia.
3. Ngồi như chuông: Ngồi như cái chuông lớn, nặng được treo chắc chắn và không lay động.

4. Nằm như cung: Nên nằm theo thế cát tường, nằm nghiêng phía bên phải, tay phải đặt trên má phải và tay trái để xuôi theo chân trái.

Tám vạn tế hạnh, Tám vạn là con số tròn. Chỉ cho tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Số này là do 3000 oai nghi của thân khẩu ý nhân với 7 (thất giác ý; thân 3, khẩu 4) thành 21.000, nhân với 4 (tứ đẳng phần: Tham, sân, si, đẳng phần) tức là 84.000.

Ưu-ba-ly trình bày tiếp **cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh**. ‘Tánh nghiệp’—Direct karma, là chỉ cho bốn giới cấm căn bản: sát đạo dâm và vọng ngữ. Bất kì hành vi nào thuộc trong 4 việc này đều là sai phạm và phạm giới luật ngay. Nếu có vi phạm vào một trong bốn giới này, thì đều không còn cơ hội để sám hối nữa. Đó là nói dứt khoát như vậy. Còn nếu có người vi phạm một trong bốn giới này mà hết sức thành tâm sửa đổi, thì họ vẫn có được cơ hội.

‘Giá nghiệp’ là chỉ cho những hành vi khiến dẫn mình đến việc phạm những giới cấm mà vốn mình suốt đời không được phạm. Chẳng hạn, có người đã thọ năm giới, nhưng thấy mình khó giữ được, có ngày anh ta nghĩ rằng cũng chẳng mất gì nếu mình uống chút rượu. “Tôi hiểu ý nghĩa của việc giữ các giới sát đạo dâm vọng, nhưng tôi nghĩ cũng sẽ chẳng có vấn đề gì nếu phạm vào giới uống rượu.” Anh là lý luận. Thế là anh ta đi ra ngoài và mua rượu uống. Anh ta trở về nhà với chai rượu trên tay. Nhưng lúc đó thấy ra rằng chẳng có gì để nhắm. “Có gà chiên để đưa cay thì quá tuyệt.” Khi anh nghĩ như

vậy, thì con gà từ bên nhà hàng xóm chạy qua sân nhà anh. Liếc nhìn ngang dọc thấy không có ai, anh liền bắt trộm con gà, như vậy là anh ta đã phạm giới ăn cắp. Rồi anh ta cắt cổ gà, lại phạm thêm giới sát sanh.

Mãi mê trong ly rượu và thịt gà, anh thấy người phụ nữ nhà bên đến gần, “Tôi mất con gà.” Cô ta nói, “Anh có thấy nó chạy qua đây không?”

“Tôi chẳng thấy.” Anh lại phạm thêm giới nói dối nữa. Rồi liếc nhìn người phụ nữ, dù cô ta không đẹp lắm, nhưng cũng còn được. Lòng dục anh ta nổi dậy, anh xâm phạm tiết hạnh cô ấy. Tất cả mọi việc xảy ra chỉ vì phạm giới uống rượu. Đó là cách thức mà nghiệp được tạo ra.

Đó cũng là lý do để nói rằng ăn thịt là phạm vào giới sát. Nếu quý vị không ăn thịt, thì quý vị chẳng có liên quan gì đến lò mổ hay súc vật. Điều này tương tự như việc cày xới đất đai, những người nghiêm trì giới luật họ không bao giờ cày xới đất đai, vì nếu làm thế sẽ khiến cho nhiều côn trùng bị chết. Đây là những ví dụ của sự tạo nghiệp.

Ưu-ba-ly giải thích, “Con nghiêm trì giới luật cho đến khi các nghiệp của mình được thanh tịnh. **Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A-la-hán.** Khi đạt đến chỗ tuyệt đối thanh tịnh, con chúng được Thánh quả.”

Kinh văn:

我是如來眾中綱紀。親印我心持戒修身眾推無上。

Ngã thị Như Lai chúng trung cương kỳ. Thân ấn ngã tâm trì giới tu thân, chúng suy vô thượng.

Việt dịch:

Nay làm vị cương kỳ trong chúng hội của Như Lai. Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân, được đại chúng suy cử là bậc nhất.

Giảng giải:

Nay làm vị cương kỳ trong chúng hội của Như Lai. Ngài là một bậc Thượng tọa. Ngài là mẫu mực cho mọi người, là mô phạm trong giáo pháp. Nhiều người phải học hỏi ở ngài. Giới luật trong chúng là Ưu-ba-ly đứng đầu trong việc nghiêm trì. **Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân.** Thế tôn đích thân ấn chứng cho con giới trì giới. Con nghiêm trì giới luật và tu tập trong đó. Con **được đại chúng suy cử là bậc nhất.** Do đó trong đại chúng, con được xem là người giữ giới bậc nhất.

Kinh văn:

佛問圓通，我以執身，身得自在。次第執心，心得通達。然後身心一切通利，斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ chấp thân thân đắc tự tại. Thứ đệ chấp tâm tâm đắc thông đạt. Nhiên hậu thân tâm nhất thiết thông lợi, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Con do giữ

giới nơi thân mà thân được tự tại, giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt, sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật muốn biết sự thành tựu đạo nghiệp của từng vị trong chúng hội. **Con do giữ giới nơi thân mà thân được tự tại.** Con giữ giới để tu dưỡng từ thân. **Giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt.** Khi con tu tập về thân đến mức độ không phạm những giới liên quan đến thân. Con giữ những giới trong tâm. Những giới luật liên quan đến thân là thuộc về công hạnh của hàng Thanh văn, còn những giới trong tâm là thuộc công hạnh của hàng Bồ-tát. Hàng Bồ-tát không phạm giới dù những giới thuộc về tâm.

Sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại. Thân tâm con rất là tự tại và an lạc. **Đó là phương pháp tốt nhất.** Phương pháp giữ giới để tu tập thân tâm, theo ý kiến của con đó là thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG Ý THỨC
Mục-kiền-liên

Kinh văn:

大目犍連即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初於路乞食逢遇優樓頻螺，伽耶，那提，三迦葉波。宣說如來因緣深義。我頓發心得大通達。

Đại Mục-kiền-liên tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ ư lộ khát thực phùng ngô Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, tam Ca-diếp-ba, tuyên thuyết Như Lai nhân duyên thâm nghĩa. Ngã đốn phát tâm đắc đại thông đạt.

Việt dịch:

Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Ban đầu con đi khát thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, họ giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai. Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa.”

Giảng giải:

Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng. Tên của

Mục-kiền-liên có nghĩa là Thái thúc thị¹—con cháu của dòng họ những người ăn rau đậu. Ngài nói, “**Ban đầu con đi khát thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba² là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề.**”

Tên của Ưu-lâu-tần-loa³ (Uruvilvā) có nghĩa là ‘rừng cây papaya.’ Ông được đặt tên này là vì thân ông lớn nhanh như thân cây papaya. **Già-da** (Gaya) là tên một dãy núi, **Na-đề** (Nadī) là tên một dòng sông. Ba anh em **giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai**. Họ bàn luận về giáo pháp của Như Lai, đặc biệt là giáo lý Nhân duyên sinh.

Nhân duyên sở sanh pháp

Ngã thuyết tức thị không

Thị danh vi giả danh

Diệc thị trung đạo nghĩa.

¹ Ma-ha Mục-kiền-liên (*Mahā Maudgalyayana*):

Mục-kiền-liên, Hán dịch là *Thái thúc thị*, đó là họ. Xưa tổ tiên của Ngài vào trong núi tu đạo, chuyên hái rau để ăn nên có họ như vậy. Còn tên ông vốn có nghĩa là Câu-luật-đà, nghĩa là *cây không có đốt*. Do vì cha mẹ ngài tuổi đã lớn mà chưa có con, mới đến cầu đảo ở thần cây, sau mới sinh hạ được ông. Nên đặt tên là Câu-luật-đà.

² Kāśyapa. Ca-diếp 迦葉; S: kāśyapa; P: kassapa; dịch nghĩa là Âm Quang 飲光. Tên của ba anh em tu sĩ thời đức Phật, ban đầu theo đạo Bà-la-môn, thờ thần lửa, nước. Sau được đức Phật giáo hoá. Ba vị này là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (p: uruvela-kassapa), Già-da Ca-diếp (p: gayā-kassapa) và Na-đề Ca-diếp (p: nadī-kassapa)

³ S: Uruvilvā; p: Uruvelā; phiên âm Ưu-lâu-tần-loa 優樓頻螺, Ô-lu-tần-la 烏盧頻羅. Là tên một loại cây. Hán dịch là Mộc qua 木瓜, Mộc qua lâm 木瓜林. Khổ hạnh lâm 苦行林 ở trong khu rừng này.

Khi họ phân tích kỹ lưỡng về giáo lý này, **Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa.**”

Trước đó, Xá-lợi-phất đã được nghe bài kệ trên và đã được chứng ngộ, đạt quả vị sơ quả A-la-hán. Ngài liền trở về báo tin cho Mục-kiền-liên, “Hôm nay tôi vừa gặp được các vị tỷ-khưu đệ tử của Đức Phật. Họ có nói cho tôi một bài kệ.”

Khi Xá-lợi-phất đọc lại bài kệ ấy, Mục-kiền-liên cũng chứng ngộ. Cả hai đều đến chỗ Phật xin quy y và đánh lễ Thế tôn, cầu thỉnh ngài làm bậc Đạo sư của mình. Có vài kinh luận khác nói rằng ngài Xá-lợi-phất gặp tỷ-khưu Mã Thắng (Aśvajit), vị này nói cho Xá-lợi-phất bài kệ:

Chư pháp tùng duyên sinh

Chư pháp tùng duyên diệt

Ngã Phật đại sa-môn

Thường tác như thị thuyết.

Bài kệ này đã khiến cho Xá-lợi-phất giác ngộ. Nói chung, Xá-lợi-phất đã nghe đệ tử Phật nói về lý nhân duyên và được giác ngộ, cũng như Mục-kiền-liên.

‘Nghĩa lý thâm diệu’ là chỉ cho giáo pháp dạy cho hàng Bồ-tát. Giáo pháp dành cho hàng A-la-hán có nghĩa lý còn đơn giản. Thế nên ‘Nghĩa lý thâm diệu’ là chỉ cho giáo pháp Đại thừa.

Kinh văn:

如來惠我袈裟著身鬚髮自落。我遊

十方得無罣礙。神通發明推為無上。成阿羅漢

Như Lai huệ ngã ca-sa trước thân, tu phát tự lực. Ngã du thập phương đắc vô quái ngại. Thần thông phát minh suy vi vô thượng, Thành A-la-hán.

Việt dịch:

Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A-la-hán.

Giảng giải:

Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Khi con đến trụ xứ của Đức Phật, ngài nói, “Thiện lai! Tỷ-khưu. Hãy để cho râu tóc ông tự rụng và thân được đắp ca-sa.” Nhờ năng lực thần thông của Phật mà râu tóc của Mục-kiền-liên sạch ngay sau lời tán thán của Thế tôn. Vào thời đó, những ai quyết định xuất gia, họ liền thực hiện ngay tức khắc, họ không dừng lại để tính toán suy nghĩ. Họ không giống như những người hôm nay, vốn thường do dự, không dứt khoát khi quyết định. Khi râu tóc của Mục-kiền-liên rơi rụng sạch sẽ rồi, ngài liền có hình tướng của một vị tỷ-khưu. Ngài thuật lại: **Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại.** Mục-kiền-liên là vị có thần thông bậc nhất. Sau khi ngài xuất gia, ngài thành tựu được năng lực thần thông, ngài có thể đi khắp mười phương và thể hiện các tướng biến hoá như ý muốn. Năng lực thần thông của ngài là

không ngần mé, không có gì làm chướng ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A-la-hán.

Kinh văn:

寧唯世尊。十方如來歎我神力。圓
明清淨自在無畏。

Ninh duy Thế tôn, thập phương Như Lai tán ngã thần lực, viên minh thanh tịnh, tự tại vô úy.

Việt dịch:

Không chỉ riêng Thế tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con được thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.

Giải thích:

Không chỉ riêng Thế tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con. Không riêng chỉ Thế tôn, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khen tặng con. Chư Phật Như Lai khắp mười phương cũng đều tán dương năng lực thần thông diệu dụng của con. Các ngài khen ngợi năng lực ấy là **thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.**

Kinh văn:

佛問圓通，我以旋湛心光發宣。如澄
濁流久成清瑩斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ tuyên trạm, tâm quang phát tuyên. Như tròng trước lưu, cửu thành thanh oánh, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng, tâm thể sáng suốt được hiển bày, như nước đục lắng trong, lâu ngày thành trong suốt, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông. Nay Đức Phật hỏi chúng đệ tử, những người đang tu tập, họ đã vận dụng công phu theo phương pháp nào mà có được sự chứng ngộ. **Con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng**—Con công phu bằng cách quay trở về với tâm thể thanh tịnh sâu lắng—cho đến khi **tâm thể sáng suốt được hiển bày**. Bản tâm con phát ra anh sáng, **như nước đục lắng trong**. Như để nước đục lâu ngày cho đến khi trở nên lắng trong. **Lâu ngày thành trong suốt**. Khi nước đục để lâu ngày, nó tự nhiên được trong suốt. **Đó là phương pháp tốt nhất**. Con tu tập theo phương pháp xoay ý niệm trở về lại với tánh Như Lai tạng sâu mầu vi diệu. Đó là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI



VIÊN THÔNG HOẢ ĐẠI

Ô-sô-sắc-ma

Kinh văn:

烏芻瑟摩於如來前。合掌頂禮佛之雙足。而白佛言。我常先憶。久遠劫前性多貪欲。有佛出世名曰空王。說多婬人成猛火聚。教我遍觀百骸四肢。諸冷暖氣

Ô-sô-sắc-ma ư Như Lai tiền, hợp chưởng đánh lễ Phật chi song túc, nhi bạch Phật ngôn. Ngã thường tiên ức. Cửu viễn kiếp tiền tánh đa tham dục. Hữu Phật xuất thế danh viết Không Vương thuyết đa dâm nhân thành mãnh hoả tụ, giáo ngã biên quán bách hài tứ chi chư lãnh noãn khí.

Việt dịch:

Ô-sô-sắc-ma đến trước Phật, chấp hai tay đánh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, “Con thường nhớ trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều dâm dục. Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, nói rằng người đa dâm giống như đồng lửa dữ, ngài dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm vóc tứ chi.”

Giảng giải:

Ô-sô-sắc-ma¹ là một vị thần Kim cang hộ pháp. Ngài là một trong những vị mà trong kinh này thường gọi là Kim cang Mật tích 密迹金, có nghĩa là vị Hộ pháp. Lịch sử của các vị Hộ pháp này như sau: Vô lượng kiếp trong quá khứ, có một vị Chuyển luân thánh vương mà người vợ đầu của ông sinh được 1000 người con. Vị Chuyển luân thánh vương này là người thắm nhuần Phật pháp. Ông bắt các con của mình rút thăm; và chúng phải tu hành thành Phật theo thứ tự số thăm mà họ đã rút được. Một ngàn vị Phật của kiếp này, tức Hiền kiếp,² chính là những con trai của Chuyển luân thánh vương ấy.

Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanakamuni Buddha)³

¹ S: Ucchuṣma; t: Hchol-ba. Mật giáo và Thiên tông tôn thờ như một vị thần phần nộ. Là tôn tượng tôn trí ở phương Bắc thuộc Yết-ma bộ trong Mật giáo. Còn gọi là Ô-sô-sa-ma Minh Vương 烏窠沙摩明王; Ô-xu-sắc-ma Minh Vương, 烏樞瑟摩明王; Ô-tố-sa-ma Minh Vương 烏素沙摩明王, Còn gọi là Uế tích Kim cang 穢迹金剛, Hoả đầu Kim cang 火頭金剛, Bất tịnh Kim cang 不淨金剛, Bất hoại Kim cang 不壞金剛, Trừ uế phần nộ tôn. Hiện nay Phật giáo Đài Loan phần nhiều gọi tôn tượng này là Uế tích Kim cang 穢迹金剛.

² Hiền kiếp: S: Bhadrakalpa. Có nghĩa là trong hai kiếp tăng giảm hiện tại, có một ngàn Đức Phật, thánh hiền xuất hiện để giáo hoá chúng sinh. Nên gọi là Hiền kiếp. Còn gọi là Hiền kiếp. Hai kiếp còn lại là Quá khứ Trang nghiêm kiếp 過去莊嚴劫 và Vị lai Tinh tú kiếp 未來星宿劫.

³ S: Kanakamuni. P: Konaga-māna; t: Gser-thub. Phiên âm là Ca-nặc-ca mâu ni 迦諾迦牟尼, Câu-na-hàm Mâu-ni 拘那含牟尼. Hán dịch Kim sắc tiên 金色仙. Kim tịch 金寂. Là Đức Phật thứ 5 trong 7 vị Phật quá khứ.

thành vị Phật đầu tiên, và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là vị Phật thứ tư của Tinh tú kiếp.¹ Có tên gọi như vậy là vì đó là lúc mà chư Phật và Hiền thánh xuất hiện ở thế gian.

Người vợ khác của Chuyển luân thánh vương có hai người con trai. Người anh phát nguyện rằng khi 1000 người anh của mình đã thành Phật hết rồi, sẽ đi đến quốc độ của họ để cúng dường. Người em phát nguyện khi 1000 người anh của mình đã thành Phật, sẽ đến để hộ trì cho họ—người này chính là Kim cang Lực sĩ.

Tại sao ở đây lại nói **đến trước Phật** chứ không nói từ chỗ ngồi đứng dậy? Là vì Kim cang Lực sĩ là thần Hộ pháp, và thần Hộ pháp thì không thể ngồi khi có sự hiện hữu của chư Phật. Họ phải đứng. Họ không được phép ngồi trong chúng hội của chư Phật. Như loài ma, không những họ không được phép ngồi mà thậm chí còn không được phép đứng. Họ phải quỳ. Các vị Hộ pháp phải quỳ khi nghe giảng pháp. Trong các pháp hội giảng kinh, có rất nhiều loài ma quỷ đang quỳ quanh đây để nghe giảng kinh. Nếu quý vị không thể thấy được chúng, đó là do quý vị không học được cách nói như tôi dành cho chúng. Quý vị có thể hỏi những vị đệ tử của tôi đã được khai ngũ nhãn. Họ sẽ nói cho quý vị nghe.

¹ Nakṣatra kalpa: Chư Phật sẽ xuất hiện trong đời tương lai nhiều như sao trên trời nên có tên như vậy. Đức Phật đầu tiên trong Tinh tú kiếp có tên là Nhật Quang Phật 日光佛, Đức Phật sau cùng của Tinh tú kiếp là Tu-di Tướng Phật 須彌相佛.

Ô-sô-sắc-ma đến trước Đức Phật **chấp hai tay đánh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, “Con thường nhớ trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều dâm dục.** Người này có lòng dâm dục rất mạnh. Ông ta bị ám ảnh bởi phụ nữ. Có lẽ ông ta bị di truyền tính này từ người cha của ông, là vị Chuyển luân thánh vương, có lòng dâm dục rất mạnh. “Lúc ấy, **Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, ngài dạy Phật pháp cho con, ngài nói rằng người đa dâm giống như đồng lửa dữ.** Trong tương lai họ sẽ bị đọa vào địa ngục và bị thiêu đốt bởi lửa dữ. Đức Phật Không Vương **dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm vóc tứ chi.”**

Tại sao con người lại có lòng dâm dục mạnh mẽ? Vì nó đến từ ‘lửa dục—fire of desire’ trong thân thể. Thế nên Đức Phật Không Vương—King of Emptiness, đã dạy Ô-sô-sắc-ma xoay trở lại tánh sáng suốt và nhìn vào tính lửa trong thân thể. Ô-sô-sắc-ma đã thấy được lửa dục trong mình.

Kinh văn:

神光內凝。化多婬心成智慧火。從是諸佛皆呼召我名為火頭。

Thần quang nội ngưng, hoá đa dâm tâm thành trí huệ hoá. Tùng thị chư Phật giai hô triệu ngã danh vi hoá đầu.

Việt dịch:

Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong, tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ. Từ đó, mỗi khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu.

Giải thích:

Con quán sát tính lửa trong thân con, sau một thời gian, con ghê tởm nó và được báo động về nó. Con không còn thích những niệm tưởng dâm dục nữa, con dần dần xa lìa được chúng. Khi nó đã không còn nữa, thì con **Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong.** Ô-sô-sắc-ma phát ra tánh sáng suốt từ bên trong, **tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ.** Có sự chuyển hoá xảy ra từ tâm niệm ám ảnh bởi dâm dục; nó đã chuyển thành lửa trí huệ. **Từ đó, mỗi khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu.** Chư Phật thường gọi Ô-sô-sắc-ma là Hoả đầu Kim cang.

Kinh văn:

我以火光三昧力故成阿羅漢心發大願諸佛成道。我為力士，親伏魔怨。

Ngã dĩ hoả quang tam-muội lực cố thành A-la-hán. Tâm phát đại nguyện chư Phật thành đạo, ngã vi lực sĩ, thân phục ma oán.

Việt dịch:

Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A-la-hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Giải thích:

Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A-la-hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật

thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Khi 1000 Đức Phật trong Hiền kiếp đã thành tựu đạo nghiệp, con phát nguyện sẽ làm vị Kim cang Đại lực sĩ, là Đại Hộ pháp, để uốn dẹp mọi tà ma ngoại đạo.

Kinh văn:

佛問圓通我以諦觀身心暖觸。無礙流通諸漏既銷。生大寶焰登無上覺斯為第一

Phật vấn viên thông, ngã dĩ đề quán thân tâm noãn xúc, vô ngại lưu thông. Chư lậu ký tiêu, sanh đại bảo diệm, đăng vô thượng giác. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ, liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi các đệ tử về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ. Kết quả là hơi nóng trong thân đã chuyển thành lửa trí huệ, và tự tánh trong tâm là vô ngại thông suốt. Nó đốt cháy sạch mọi lậu hoặc của con, và liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

VIÊN THÔNG ĐỊA ĐẠI
Trì Địa Bồ-tát

Kinh văn:

持地菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我念往昔普光如來。出現於世我為比丘。常於一切要路津口。田地險隘有不如法。妨損車馬我皆平填。或作橋梁或負沙土。

Trì Địa Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã niệm vãng tích phổ quang Như Lai xuất hiện ư thế, ngã vi tử-khuru, thường ư nhất thiết yếu lộ tân khẩu, điền địa hiểm ải, hữu bất như pháp. Phòng tổn xa mã, ngã giai bình điền, ngã tác kiều lương, hoặc phụ sa thổ.

Việt dịch:

Trì Địa Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tử-khuru thường ở những nơi đường sá, bến đò, đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn; để phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất.”

Giảng giải:

Trì Địa Bồ-tát— Maintaining the Ground, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tỳ-khưu thường ở những nơi đường sá, bên đò

Khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai thị hiện trên đời, con xuất gia làm vị tỳ-khưu, thường phát tâm sửa sang những đoạn đường hiểm trở. “Bến đò—*tân khẩu*” ở đây là chỉ cho các khúc sông cạn, nơi mà các dòng suối chảy qua đường đi. Ngài Trì Địa Bồ-tát liền lấy cây gỗ ngăn dòng chảy lại để cho người dễ dàng qua lại. Ngài còn sửa sang những chỗ đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn. Có khi trên mặt đất bỗng nhiên bị lún sâu hoặc gồ ghề, không đủ rộng và an toàn để đi qua được. Đây là những nơi cần sửa sang. Đề phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất.”

Con san phẳng mặt đường, nếu chỗ ấy bị lún và nhiều ổ gà, con sẽ lấp bằng chúng. Nếu chỗ ấy gồ ghề, con sẽ san bằng chúng. Con làm cho mặt đường bằng phẳng.

Kinh văn:

如是勤苦經無量佛出現於世。或有眾生於闡闡處。要人擎物我先為擎。至其所詣放物即行不取其直。

Như thị cần khổ, kinh vô lượng Phật xuất hiện ư thế. Hoặ hữu chúng sanh ư hoàn hội xứ, yếu nhân kinh vật, ngã tiên vi kinh. Chí kỳ sở nghệ, phóng vật tức hành bất thủ kỳ trực.

Việt dịch:

Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời. Hoặ có chúng sinh, ở nơi chợ triền¹ cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống, con liền đi ngay, không nhận tiền công.

Giải thích:

Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời.

“Việc khó nhọc như vậy” là chỉ cho các việc như gánh đất, làm cầu đường. Trì Địa Bồ-tát tiếp tục làm những công việc như vậy đời này sang đời khác.

Hoặ có chúng sinh, ở nơi chợ triền cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống.

Nếu có người bán rong dọc phố chợ, cần người mang vác hàng hoá, con sẽ mang giúp cho họ, hoặ là mang trên lưng hoặ đội trên đầu, hoặ xách trên tay. Khi mang đến nơi họ yêu cầu, con đặt hàng hóa xuống. **Con liền đi ngay, không nhận tiền công.** Có nghĩa là Trì Địa Bồ-tát không những chẳng đòi tiền công mang vác mà còn từ

¹ Tường chợ. Như hoàn hội 闍闍 chợ triền, cửa ngoài chợ. Vì thế nên thường gọi nơi chợ triền là hoàn hội 闍闍.

khước những lời cảm ơn của họ. Đây là một dạng tu tập khổ hạnh mà Trì Địa Bồ-tát đã từng làm.

Kinh văn:

毘舍浮佛現在世時。世多饑荒，我為負人。無問遠近唯取一錢。或有車牛，被於陷溺。我有神力為其推輪拔其苦惱。時國大王筵佛設齋。

Tì-xá-phù Phật hiện tại thế thời, thế đa cơ hoang, ngã vi phụ nhân. vô vấn viễn cận, duy thủ nhất tiền. Hoặc hữu xa ngưu bị ư hãm nịch, ngã hữu thần lực vi kỳ thôi luân, bạt kỳ khổ não.

Việt dịch:

Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém, con công giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền. Hoặc có xe trâu mắc phải sình lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.

Giảng giải:

Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém. Người ta không có gì để ăn. Tì-xá-phù có nghĩa là Biến nhất thiết tự tại.¹ Khi nạn đói

¹ 毘舍浮 s: Viśvabhū ; Viśvabhuk. Vị Phật thứ 3 trong 7 Đức Phật quá khứ. Còn phiên âm là Tì-thấp-bà-bộ Phật 毘濕婆部佛, Tì-xá-bà-Phật 毘舍婆佛, Tùy-diếp Phật 隨葉佛. Dịch nghĩa là Nhất thiết thắng 一切勝, Nhất thiết tự tại 一切自在. Bản tiếng Anh ghi *Vipashyin*, có lẽ nhầm với Đức Phật Tì-bà-thi mà nguyên tiếng Sanskrit là *Vipaśyin*.

xảy ra, mọi người đều di tản từng đoàn, tìm cách ra khỏi vùng bị nạn đói đe dọa. Có người trên đường di cư qua yếu không thể đi nổi, nên Trì Địa Bồ-tát phải cõng họ đi. **Con công giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền.** Bất luận đó là đoạn đường ngắn hay dài, ngài luôn luôn nhận một khoản tiền nhất định—chỉ một đồng tiền. “Con không nhận nhiều hơn, hoặc có xe trâu mắc phải sinh lây, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.” Khi trời mưa lớn, nước chảy tràn qua mặt đường gây nên sinh lây rất dày khiến người xe khó đi. Khi xe trâu cố đi qua, nó sẽ bị mắc lây. Trì Địa Bồ-tát nói rằng ngài sẽ dùng sức mạnh—năng lực tinh thần, để đẩy giúp xe ra khỏi sinh lây, thoát khỏi tình trạng khó xử.

Kinh văn:

我於爾時平地待佛。毘舍如來摩頂謂我。當平心地。則世界地，一切皆平。

Thời quốc đại vương diên Phật thiết trai, ngã u nhĩ thời bình địa đãi Phật. Tì-xá Như Lai ma đánh vị ngã, đương bình tâm địa, tắc thế giới địa nhất thiết giai bình.

Việt dịch:

Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, “Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình.”

Giảng giải:

Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật. Quốc vương là một Phật tử thâm tín chư Phật, vua thỉnh Đức Phật đến để cúng dường. Lúc đó, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Trên đường Đức Phật sẽ đi qua, con sửa sang lại cho bằng phẳng những nơi gồ ghề. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, “Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình.”

Khi tâm địa được an bình, thì mọi đất đai trên thế giới tự nhiên sẽ đều bằng phẳng cả. Trì Địa Bồ-tát đã làm việc như vậy một thời gian rất dài để san bằng mặt đất, vốn là nền tảng để thực hiện mọi sự bình đẳng. Nhưng Trì Địa Bồ-tát đã làm bằng phẳng các hiện tượng bên ngoài, trong khi cơ bản là trong tâm tâm tánh mình thì ngài chưa làm được. Nên Đức Phật Tì-xá-phù dạy Trì Địa Bồ-tát hãy làm bình tâm địa của chính mình, vì một khi bình được tâm địa của mình rồi, thì các mặt đất trên thế gian đều được bằng phẳng cả. Tâm địa chính là bản tâm của mình.

Kinh văn:

我即心開，見身微塵，與造世界。所有微塵等無差別。微塵自性不相觸摩。乃至刀兵亦無所觸。

Ngã tức tâm khai, kiến thân vi trần, dữ tạo thế giới sở hữu vi trần đẳng vô sai biệt. Vi trần tự tánh bất tương xúc ma, nãi chí đao binh diệc vô sở xúc.

Việt dịch:

Tâm con liền được khai ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt. Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau, cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì.

Giải thích:

Khi con nghe Nền Đức Phật Tì-xá-phù dạy về phương pháp này, **tâm con liền được khai ngộ, con liền được giác ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt.** Thân thể con vốn được tạo thành bởi vô số vi trần, chẳng có gì khác hơn, và nó cũng giống như các vi trần tạo nên các thứ khác trong thế giới. **Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau.** Chúng không xúc chạm lẫn nhau. **Cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì.** Ngay cả gươm đao cũng chẳng cắt đứt được chúng, thế nên nó chẳng làm hại gì được đến thân thể của mình, vì thân thể của mình cũng đều là rỗng không. Con vốn chẳng có ngã tướng.

Kinh văn:

我於法性悟無生忍成阿羅漢。迴心
今入菩薩位中。聞諸如來宣妙蓮華佛知
見地。我先證明而為上首。

Ngã ư pháp tánh ngộ vô sanh nhẫn, thành A-la-hán. Hồi tâm kim nhập Bồ-tát vị trung. Văn chư Như Lai tuyên Diệu liên hoa Phật tri kiến địa. Ngã tiên chứng minh nhi vi thượng thủ.

Việt dịch:

Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Nay hướng tâm thể nhập Bồ-tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, con liền được chứng minh là vị thượng thủ.

Giảng giải:

Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Nay hướng tâm-hồi tiểu hướng đại-thể nhập Bồ-tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, có nghĩa là Diệu pháp đại định Thủ-lăng-nghiêm, con liền được chứng minh là vị thượng thủ. Con được ấn chứng đã thể nhập được pháp môn này.

Kinh văn:

佛問圓通我以諦觀。身界二塵等無差別。本如來藏虛妄發塵。塵銷智圓成無上道斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã vi đế quán, thân giới nhị trần đẳng vô sai biệt, bản Như Lai tạng, hư vọng phát trần. Trần tiêu trí viên, thành vô thượng đạo, tu vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thế giới đều không sai biệt, vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần

tướng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng, Đó là thứ nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thế giới đều không sai biệt. Chẳng có gì sai khác giữa thân tâm và thế giới. Con quán sát thấy rằng tất cả đều vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần tướng. Trần tướng phát sinh trong cái hư vọng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng. Đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG THỦY ĐẠI
Nguyệt Quang đồng tử

Kinh văn:

月光童子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名為水天。教諸菩薩修習水精入三摩地。

Nguyệt Quang đồng tử tức tòng toà khởi. Đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích hằng hà sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh vi Thủy Thiên, giáo chư Bồ-tát tu tập thủy tinh, nhập tam-ma-địa.

Việt dịch:

Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy cho các hàng Bồ-tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định.”

Giải giảng:

Nguyệt Quang đồng tử nhập đạo khi còn tuổi thiếu niên. Ngài xuất gia khi còn nhỏ tuổi. Tuy nhiên, bây giờ, khi ngài trình bày về viên thông, thì ngài không còn là một đồng tử nữa, mà là một vị trưởng lão trong hàng Bồ-tát. Đại chúng gọi người là Đồng tử vì ngài nhập đạo khi còn nhỏ tuổi và hoàn toàn thanh tịnh. Ngài Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

dảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy cho các hàng Bồ-tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định.” Ngài tu tập chánh định bằng cách quán tưởng về nước.

Kinh văn:

觀於身中水性無奪。初從涕唾如是窮盡。津液精血大小便利。身中漩瀆水性一同。見水身中與世界外浮幢王刹。諸香水海等無差別。

Quán u thân trung thủy tánh vô đoạt. Sơ tông thể thoả như thị cùng tận tân dịch tinh huyết, đại tiểu tiện lợi. Thân trung tuyền phục thủy tính nhất đồng. Kiến thủy thân trung dữ thế giới ngoại Phù Tràng Vương sát, chư hương thủy hải đẳng vô sai biệt.

Việt dịch:

Quán sát trong thân, tính nước không xâm đoạt lẫn nhau. Ban đầu từ nước mũi, nước dãi, cho đến các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tính. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thủy trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt.

Giải thích:

Quán sát trong thân, tính nước không xâm đoạt lẫn nhau—nó không xung đột lẫn nhau. Ban đầu từ nước

mũi, nước dãi, cho đến—quán sát chi tiết các thứ tân dịch tính huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tính. Nó chảy luân lưu khắp cơ thể bắt đầu và kết thúc liên tục như chúng luân lưu. Suốt khắp các bộ phận, bản tính của nước là cùng một thể. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thủy trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt. Quốc độ của Phù Tràng Vương là chỉ cho nền tảng của núi Tu-di (s: sumeru). Tất cả các thứ nước đều có thể tính giống nhau. Chẳng có gì khác biệt giữa chúng.

Kinh văn:

我於是時初成此觀。但見其水未得無身。

Ngã ư thị thời sơ thành thử quán, đãn kiến kỳ thủy, vị đắc vô thân.

Việt dịch:

Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán này, chỉ thấy được nước, chưa đạt được chỗ không thấy có thân.

Giảng giải:

Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán này, chỉ thấy được nước. Tất cả các thứ nước trong thân con đều hợp nhất thành một, và nước trong thân cùng nước ngoài thể giới cũng hoà thành một. Nhưng con chưa đạt được chỗ không thấy có thân. Con vẫn thấy mình còn có thân. Con chưa chứng được cảnh giới thấy mình chẳng có thân.

Kinh văn:

當為比丘室中安禪。我有弟子窺窗觀室，唯見清水遍在屋中，了無所見。

Đương vị tỳ-khuru thất trung an thiền. Ngã hữu đệ tử khuy song quan thất, duy kiến thanh thủy biến tại ốc trung, liễu vô sở kiến.

Việt dịch:

Lúc ấy con là vị tỳ-khuru đang ngồi thiền trong thất. Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác.

Giải thích:

Lúc ấy con là vị tỳ-khuru đang ngồi thiền trong thất. Con đang ngồi tọa thiền trong thất, quán tưởng về nước—Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác. Chú đệ tử chuyên quét sân, lau nhà, nấu ăn, hộ thất cho vị tỳ-khuru. “Ngày nọ chú nhìn vào trong thất nhưng chẳng thấy gì ngoài nước đang tràn ngập cả căn phòng. Ngoài nước ra chẳng thấy gì khác.”

Kinh văn:

童稚無知取一瓦礫投於水內。激水作聲顧盼而去。我出定後頓覺心痛。如舍利弗遭違害鬼。

Đồng tử vô tri, thủ nhất ngoã lịch đầu u thủy nội, kích thủy tác thanh, cố miễn nhi khứ. Ngã xuất

định hậu đốn giác tâm thông. Như Xá-lợi-phát tao Vi hại quỷ.

Việt dịch:

Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước, rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phát bị quỷ Vi hại đánh.

Giảng giải:

Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước. Chú đệ tử còn nhỏ tuổi và chưa hiểu biết gì nhiều. Chú lấy viên gạch ném vào trong phòng đầy nước. Rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Chú đứng đó nhìn quanh một lát và tự hỏi, “Thầy mình ngồi thành trong phòng, tại sao trong phòng ngập đầy nước?” Rồi chú ném viên gạch vào trong nước, nhìn quanh, rồi bỏ đi. **Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phát bị quỷ Vi hại đánh.**

Nguyệt Quang đồng tử nhớ đến lúc Xá-lợi-phát đang nhập định, có hai con quỷ từ trên không đi đến. Một con tên là Vi Hại 違害鬼, một con tên là Phục Hại—復害鬼. Quỷ Vi Hại nói với quỷ Phục Hại, “Nếu ta đánh vào đầu vị sa-môn đó thì sao nhi—người đang ngồi thiền đó?”

Quỷ Phục Hại nói, “Đừng! Không nên đánh một vị sa-môn. Tốt nhất là không nên quấy rối người đang tu đạo.” Sau khi Quỷ Phục Hại đi rồi, Quỷ Vi Hại không nghe lời khuyên, nó lấy khúc cây đánh vào đầu Xá-lợi-

phát. Khi Xá-lợi-phát xuất định, ngài nghĩ rằng, “mình đã chứng quả A-la-hán, mình chẳng còn bệnh, tại sao đầu đau như thế này?” Rồi ngài đến thưa hỏi Đức Phật chuyện ấy.

Đức Phật bảo, “Ông vừa bị quỷ Vi Hại đánh vào đầu, quả báo là nó sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián—tức địa ngục A-tì. Sức lực của nó rất mạnh có thể khiến cho núi Tu-di vỡ đôi. Rất may, nhờ ông có định lực. Nếu không ông đã bị nát thành bụi.” Đó là lí do Xá-lợi-phát bị nhức đầu. Bây giờ chú đệ tử của Nguyệt Quang đồng tử ném viên ngói vào trong nước do ông quán tưởng khi nhập định, và khi ông xuất định, tim ông thấy bị đau.

Kinh văn:

我自思惟今我已得阿羅漢道久離病緣。云何今日忽生心痛。將無退失？

Ngã tự tư duy kim ngã dĩ đắc A-la-hán đạo, cửu ly bệnh duyên. Vân hà kim nhật hốt sanh tâm thống. Tương vô thoái thất?

Việt dịch:

Con tự nghĩ, nay con đã thành bậc A-la-hán, đã lâu không còn bệnh duyên, tại sao hôm nay bỗng dựng đau tim? Phải chăng đã bị thôi thất?

Giải thích:

Bồ-tát Nguyệt Quang tự nghĩ, nay con đã thành bậc A-la-hán, đã lâu không còn bệnh duyên. Con không mắc bệnh, thế tại sao hôm nay bỗng dựng đau

tim? Phải chăng đã bị thôi thất? Có phải con đã mất quả vị A-la-hán mà con đã chứng được? Có phải con đã lui sụt sự phát tâm từ ban đầu?

Kinh văn:

爾時童子捷來我前說如上事。我則告言。汝更見水。可即開門入此水中除去瓦礫。童子奉教後入定時。還復見水瓦礫宛然。開門除出。我後出定，身質如初。

Nhĩ thời đồng tử thiệp lai ngã tiền, thuyết như thượng sự. Ngã tắc cáo ngôn. Nhĩ cánh kiến thủy, khả tức khai môn, nhập thử thủy trung, trừ khứ ngoã lịch. Đồng tử phụng giáo, hậu nhập định thời, hoàn phục kiến thủy, ngoã lịch uyển nhiên, khai môn trừ xuất. Ngã hậu xuất định, thân chất như sơ.

Việt dịch:

Lúc bảy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước.

Giảng giải:

Lúc bảy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc

như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng.

Khi Bồ-tát Nguyệt Quang nhập định, chú đệ tử lại thấy trong nước có viên ngói rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Chú đi vào phòng và nhặt viên ngói ra. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước. Tim con không còn thấy đau nữa.

Kinh văn:

逢無量佛。如是至於山海自在通王
如來。方得亡身。與十方界諸香水海。
性合真空無二無別。今於如來得童真名
預菩薩會。

*Phùng vô lượng Phật. Như thị chí ư Sơn Hải Tự Tại
Thông Vương Như Lai, phương đắc vong thân, dĩ thập
phương giới chư hương thủy hải, tánh hợp chân không
vô nhị vô biệt. Kim ư Như Lai đắc đồng chân danh, dự
Bồ-tát hội.*

Việt dịch:

Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con mới chứng được không thân, cùng với thể tánh của nước biển hương thủy trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác. Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được

danh hiệu là **Đồng chân**, được dự vào chúng hội của hàng **Bồ-tát**.

Giảng giải:

Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai. Con tu tập theo pháp quán nước như vậy trải qua vô số vô lượng chư Phật Như Lai. Cho đến khi Đức Phật Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai thị hiện ra đời, con mới chứng được không thân. Đến mức độ trong định khi quán tưởng về nước, con thấy nước ở bên ngoài và nước trong thân con là đồng một thể, và thân con biến mất. Cùng với thể tánh của nước biển hương thủy trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác.

Khi Bồ-tát Nguyệt Quang thành tựu đại định do thủy quán, ngài thấy thể tánh mình đồng nhất với thể tánh của nước.

Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được danh hiệu là **Đồng chân**, được dự vào chúng hội của hàng **Bồ-tát**.

Nay đối trước Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, con công nhận là Đồng chân nhập đạo và được dự trong chúng hội của hàng Bồ-tát.

Kinh văn:

佛問圓通我以水性一味流通。得無生忍圓滿菩提斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ thủy tánh nhất vị lưu thông. Đắc vô sinh nhẫn, viên mãn bồ-đề. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị, nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất.

Giải thích:

Nay **Đức Phật** hỏi các đệ tử về phương pháp tu tập để đạt viên thông mà họ đã được thành tựu. **Con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị.** Con dùng pháp quán tánh nước—về thể tánh của nước—nhận ra tánh nước chỉ thuần một vị châu lưu khắp mọi nơi. **Nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất.** Theo ý kiến của con, quán nước là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG PHONG ĐẠI
Lưu Ly Quang Pháp vương tử

Kinh văn:

琉璃光法王子。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經恆沙劫。有佛出世名無量聲。開示菩薩本覺妙明。觀此世界及眾生身。皆是妄緣風力所轉。

Lưu Ly Quang Pháp vương tử tức tông toà khởi. Đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích kinh hằng sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Thanh, khai thị Bồ-tát bản giác diệu minh. Quán thử thế giới cập chúng sanh thân, giai thị vọng duyên phong lực sở chuyển.

Việt dịch:

Lưu Ly Quang Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, ngài khai thị cho hàng Bồ-tát tính bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới này và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra.”

Giảng giải:

Lưu Ly Quang Pháp vương tử. Lưu Ly (s: Vaiḍūrya) là ngọc quý màu xanh. Pháp vương tử là

danh hiệu để gọi hàng Bồ-tát. Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh. Đức Phật hiệu Vô Lượng Thanh ngài khai thị cho hàng Bồ-tát tính bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới này và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra.”

Lưu Ly Quang Pháp vương tử thành tựu đạo quả nhờ vào phong đại.

Kinh văn:

我於爾時，觀界安立，觀世動時。觀身動止，觀心動念。諸動無二，等無差別。

Ngã u nhĩ thời quán giới an lập, quán thế động thời, quán thân động chỉ, quán tâm động niệm. Chư động vô nhị, đẳng vô sai biệt.

Việt dịch:

Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, quán sự thiên lưu của thời gian, quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt. Thấy các tính động ấy đều bình đẳng như nhau, vốn không sai biệt.

Giải thích:

Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, có nghĩa là, các hiện tượng trong thế giới, các thế giới hệ- world-system- được hình thành như thế nào. Con quán sự

thiên lưu của thời gian. Con quán sát các thời quá khứ, hiện tại và tương lai. Con **quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt.** Ngay khi niệm tưởng vừa sinh khởi trong tâm, chúng ta đã tạo nên lực lay động của gió ngay trong tâm. Một khi có sức lay động của gió trong tâm, thì liền có nhiều loại gió bên ngoài anh khởi. **Thấy các tính động ấy đều bình đẳng như nhau.** Thể tính và tướng trạng của các thứ lay động ấy đều **vốn không sai biệt.**

Kinh văn:

我時了覺此群動性。來無所從去無所至。十方微塵顛倒眾生同一虛妄。

Ngã thời liễu giác thử quần động tánh, lai vô sở tòng, khứ vô sở chí. Thập phương vi trần điên đảo chúng sanh đồng nhất hư vọng.

Việt dịch:

Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tính hư vọng.

Giảng giải:

Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Lúc ấy, con đã giác ngộ rõ ràng thể tính của sự lay động ấy. **Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tính hư vọng.** Chúng đều là hư vọng, chúng được tạo ra từ một tính hư vọng như nhau.

Kinh văn:

如是乃至三千大千一世界內所有眾生，如一器中貯百蚊蚋啾啾亂鳴。於分寸中鼓發狂鬧。逢佛未幾，得無生忍。

Như thị nãi chí tam thiên đại thiên nhất thế giới nội sở hữu chúng sanh, như nhất khí trung trữ bách vạn nhuế, thu thu loạn minh, ư phân thốn trung, cổ phát cuồng nã. Phùng Phật vị kỷ, đắc vô sanh nhẫn.

Việt dịch:

Như thế cho đến hết thấy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ầm ĩ, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít. Con gặp Phật chưa bao lâu, liền được vô sinh pháp nhẫn.

Giải thích:

Như thế cho đến hết thấy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên—cứ như vậy, từ một thế giới cho đến một tiểu thiên thế giới, cho đến 1000 tiểu thiên thế giới, có nghĩa là một trung thiên thế giới và cứ như thế cho đến một đại thiên thế giới. Suốt tất cả tam thiên đại thiên thế giới, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ầm ĩ. Chúng sinh trong các cõi ấy cũng giống như vô số muỗi mòng bị nhốt trong cái hũ, Mỗi con muỗi trong ấy đều kêu vo ve loạn xạ. Chúng bị nhốt trong gang tấc, ồn ào rối rít. Trong mỗi không gian rất nhỏ, chúng kêu la rối rít. Con quán sát

theo cách này, và chẳng bao lâu sau khi con gặp Phật, liền được vô sinh pháp nhẫn.

Kinh văn:

爾時心開。乃見東方不動佛國。
為法王子事十方佛。身心發光，洞徹無礙。

Nhĩ thời tâm khai, nãi kiến Đông phương bất động Phật quốc, vi Pháp vương tử sự thập phương Phật. Thân tâm phát quang, đồng triệt vô ngại.

Việt dịch:

Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con thành vị Pháp vương tử, thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rộng suốt không ngăn ngại

Giảng giải:

Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con tập trung công phu tu tập theo phương pháp này một thời gian rất lâu, không để cho một niệm hư vọng xen vào. Cuối cùng, con được giác ngộ, tâm con khai mở, và con có thể thấy được Đức Phật Bất động Dược sư Như Lai ở phương đông. Ngài còn được gọi là Bất động Phật và Kim cang Phật. Con thành vị Pháp vương tử ở quốc độ ấy, và con thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rộng suốt không ngăn ngại. Con tiếp tục công phu tu tập cho đến khi tâm con phát sáng và thân

cũng phát sáng. Nó xuyên suốt lẫn nhau và hoàn toàn không ngăn ngại.

Kinh văn:

佛問圓通我以觀察風力無依。悟菩提心入三摩地。合十方佛傳一妙心。斯為第一。

Phật vấn viên thông. ngã dĩ quán sát phong lực vô y. Ngộ bồ-đề tâm nhập tam-ma-địa. Hợp thập phương Phật truyền nhất diệu tâm. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu, nên ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Đó là phương pháp tốt nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu.

Có nghĩa là, gió vốn không có tự thể riêng của nó—không có tự tánh. Từ đó, nên con ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Con nhận được pháp môn truyền tâm ấn của chư Phật. Đó là phương pháp tốt nhất. Pháp môn quán sát tính bất động của gió là phương pháp hay nhất. Con nghe như vậy. Con đã thành tựu đạo quả bằng cách quán chiếu phong đại.

VIÊN THÔNG KHÔNG ĐẠI

Hư Không Tạng Bồ-tát

Kinh văn:

虛空藏菩薩。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我與如來定光佛所得無邊身。

Hư Không Tạng Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã dĩ Như Lai, Định Quang Phật sở, đắc vô biên thân.

Việt dịch:

Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang.”

Giải thích:

Hư Không Tạng Bồ-tát thành tựu đạo quả bằng cách quán chiếu không đại là một trong bảy đại đã nói đến trước đây. Bây giờ ngài Hư Không Tạng Bồ-tát thuật lại phương pháp quán chiếu về không đại.

Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang.”

Như Lai ở đây là chỉ cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Hư Không Tạng Bồ-tát là chỉ cho thân thể giống như hư không—vô biên, không ngăn mé. Đức Phật Định Quang là chỉ cho Nhiên Đăng Phật. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tu hành vào đại a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, ngài được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật.

Kinh văn:

爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛刹化成虛空。

Nhĩ thời thủ chấp tứ đại bảo châu, chiếu minh thập phương vi trần Phật sát, hoá thành hư không.

Việt dịch:

Lúc ấy tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không.

Giải thích:

Lúc ấy, là khi Hư Không Tạng Bồ-tát đã chứng được vô biên thân. Con cầm—Ngài có trong tay bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không. Việc này diễn ra trong vô lượng cõi nước của chư Phật nhiều như vi trần.

Kinh văn:

爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛刹化成虛空。又於自心現大圓鏡。內

放十種微妙寶光。流灌十方。盡虛空際

Hư u tự tâm hiện đại viên kính, Nội phóng thập chủng vi diệu bảo quang, lưu quán thập phương, tận hư không tế.

Việt dịch:

Lại trong tự tâm hiện ra đại viên kính trí, trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi sắp cùng tận hư không khắp mười phương.

Giải giảng:

Hư Không Tạng Bồ-tát, từ trong chân tâm thường trú **hiện ra đại viên kính trí**. Kính này biểu tượng cho đại trí huệ. Khi thức thứ 8 được chuyển thành thanh tịnh, thì nó trở thành đại viên kính trí. **Trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi sắp cùng tận hư không khắp mười phương**. Ánh sáng hào quang rất rực rỡ, chiếu khắp cùng tận hư không ở mười phương.

Kinh văn:

諸幢王刹 來入鏡內涉入我身。身同
虛空不相妨礙。

Chư Tràng vương sát lai nhập kính nội, thiệp nhập ngã thân. Thân đồng hư không, bất tương phương ngại.

Việt dịch:

Các cõi nước Phù tràng vương đều hiện ra trong kính này và nhập vào thân con. Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau.

Giải thích:

Các cõi nước **Phù tràng vương**—có nghĩa là, các Phật độ—**đều hiện ra trong kính này và nhập vào thân con**. Hư Không Tạng Bồ-tát đều gom vào trong kính tất cả các quốc độ của chư Phật trong cùng tận hư không, khắp 10 pháp giới. Khi các quốc độ ấy hiện ra trong gương, chúng liền nhập vào thân ngài. **Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau**. Thân của ngài Hư Không Tạng Bồ-tát tự nó là hư không, hư không chính là thân ngài. Tuyệt đối chẳng có gì khác biệt nhau giữa thân ngài và hư không.

Kinh văn:

身能善入微塵國土。廣行佛事得大隨順。

Thân năng thiện nhập vi trần quốc độ. Quảng hành Phật sự đắc đại tùy thuận.

Việt dịch:

Thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tùy thuận.

Giải thích:

Hư Không Tạng Bồ-tát nhận ra rằng thân mình chính là hư không. Do vậy, chẳng có gì ranh giới để phân biệt giữa hai thực thể ấy, và cũng chẳng có gì phương ngại giữa chúng. Chúng dung thông nhau. Từ ý nghĩa đó, **thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tùy thuận.**

Thân của ngài Hư Không Tạng Bồ-tát rộng khắp nhiều quốc độ. Ngài sẽ làm gì khi ngài có thể đi đến khắp các cõi nước như vậy? Ngài phụng sự các Đức Phật. Ngài làm việc ấy như thế nào? Ngài chuyển các việc làm ở thế gian thành Phật sự. Ngài có được sự tùy thuận, có nghĩa là ngài đạt được năng lực lớn nhất để tùy thuận, hoà hiệp với chúng sinh.

Kinh văn:

此大神力由我諦觀四大無依，妄想生滅，虛空無二，佛國本同。於同發明得無生忍。

Thử đại thần lực do ngã đế quán tứ đại vô y, vọng tưởng sinh diệt. Hư không vô nhị, Phật quốc bản đồng. Ư đồng phát minh, đắc vô sanh nhẫn.

Việt dịch:

Có được thần lực lớn này là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu, do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai, quốc độ Phật vốn đồng nhau. Do thấy được thể tính đồng mà được vô sinh pháp nhẫn.

Giảng giải:

Có được thần lực lớn này—năng lực tùy thuận tất cả chúng sinh—là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu. Con chiêm nghiệm và quán chiếu thật chi tiết về bốn đại: đất, nước, lửa, gió,

đều không có tự thể. Chúng chẳng y cứ vào một cái gì cả. Con nhận ra rằng, **do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai.** Do hư vọng mà khởi dậy có phân biệt sinh tử. Con quán chiếu thấy được rằng, thân thể con vốn chẳng khác biệt với hư không. Ngay cả các **quốc độ Phật cũng đồng nhau.** ‘Đồng’ có nghĩa là các cõi nước của chư Phật, vốn cũng là không. Chính Bồ-tát Hư Không Tạng nhận ra các pháp đều vốn là không. Ngài xoay chuyển các pháp đều quy về hư không, gồm cả những nơi là cõi nước của chư Phật và cả những nơi chẳng phải là cõi nước của chư Phật. **Do thấy được thể tính đồng mà được vô sinh pháp nhẫn.** Con nhận ra tính không này, và điều thực chứng ấy đã khiến cho con đạt được vô sinh pháp nhẫn.

Kinh văn:

佛問圓通，我以觀察虛空無邊，入三摩地，妙力圓明。斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ quán sát hư không vô biên, nhập tam-ma-địa, diệu lực viên minh. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán chiếu hư không vốn không ngăn mé, nên được thể nhập vào chánh định, có được diệu lực viên minh. Đây là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do dùng năng lực quán chiếu hư không vốn không ngăn mé. Vì hư không chẳng có ranh giới, nên thấy thân thể con cũng trở nên không có ranh giới. Từ sự quán chiếu về hư không, mà con nhập được vào chánh định–hư không định và con chứng được **diệu lực viên minh.** Hư không định này vô cùng vi diệu. Năng lực của định này hoàn toàn viên mãn và sáng suốt. **Đây là phương pháp tốt nhất.** Do vậy nên đối với con, Bồ-tát Hư Không Tạng, như con đã từng tu tập, thấy đây là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG THỨC ĐẠI
Di-lặc Bồ-tát

Kinh văn:

彌勒菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經微塵劫。有佛出世名日月燈明。我從彼佛而得出家。心重世名好遊族姓。

Di-lặc Bồ-tát tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích kinh vi trần kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ngã tòng bỉ Phật nhi đắc xuất gia. Tâm trọng thế gian, hảo du tộc tính.

Việt dịch:

Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn rtrọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý.”

Giải thích:

Di-lặc Bồ-tát, còn gọi là A-dật-đa (Ajita). Di-lặc (Maitreya) là họ của gia đình. Còn A-dật-đa (Ajita) là tên của ngài. Di-lặc (Maitreya) có nghĩa là Từ thị. A-dật-đa (Ajita) Hán dịch là Vô năng thắng. Chắc quý vị đã từng

thấy hình ảnh vị tăng to béo mập mập trong trai đường của các ngôi chùa. Di-lặc chính là vị ấy. Có lẽ là vị Bồ-tát này thích ăn ngon nên hình dáng to lớn như vậy. Ngài cũng rất thích cười, nhưng tiếng cười của ngài không thô tháo. Đúng hơn, ngài luôn luôn nở nụ cười rất tươi trên mặt. Ngài rất thích chơi với trẻ con, và đáp lại, trẻ con cũng rất thích chơi với ngài. Khi nào quanh ngài cũng có nhiều trẻ con vây quanh. Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, không còn là bậc đạo sư giáo hoá chúng sinh ở cõi này nữa, thì Đức Phật Di-lặc sẽ ra đời để tiếp tục việc giáo hoá chúng sinh. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni được gọi là Hồng Dương Phật. Khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật, ngài sẽ được gọi là Bạch Dương Phật. Điều này có nghĩa là khi Đức Phật Di-lặc thị hiện ra đời, thì máu của chúng sinh sẽ là màu trắng, không còn màu đỏ như thời trước nữa. Loài người hiện nay có máu màu đỏ vì đang ở trong thời giáo hoá của Hồng Dương Phật.

Khi nào Đức Phật mới Di-lặc thị hiện ra đời? Nghe thật là lâu xa khi quý vị được kể ra, nhưng thực sự là chẳng xa chút nào, vì theo cái nhìn của một vị Bồ-tát thì đó chỉ là trong nháy mắt. Vậy thời gian từ đây đến khi ngài ra đời là bao lâu? Như hiện nay, mạng sống của con người vào khoảng chừng 60 năm. Cứ 100 năm, mạng sống của con người giảm xuống một tuổi và chiều cao trung bình giảm đi 1 *inch*. Giảm như vậy cho đến khi mạng sống của con người còn lại chừng 30 tuổi, thì sẽ có một cơn dịch bệnh. Con người sẽ chết rất nhanh vì bệnh tật, đến mức họ chết một giờ ngay sau khi mắc bệnh.

Người ta có thể gọi bác sĩ, nhưng bác sĩ cũng chết như những người khác. Chừng 50% số dân còn lại kháng cự được với bệnh tật. Khi mạng sống của những người này còn lại 25 tuổi, thì sẽ có một cơn thiên tai khác. Tại sao những người này phải chết? Vì thời ấy, tinh thần của những người này quá suy đồi. Có quá nhiều người ác, thế nên trời đất phải trừ diệt những người căn tính thô bạo này. Họ sẽ chịu không nổi và phải đổi lấy một thân thể tốt hơn. Thế nên, trong đợt dịch bệnh đầu tiên, 50% số người phải chết. Khi mạng sống trung bình của con người giảm xuống 25 tuổi, sẽ có một trận hoả tai. Không chỉ loài người trên thế giới bị đốt cháy, mà cả những chúng sinh ở cõi trời thiên thứ nhất (sơ thiên thiên) cũng bị thiêu rụi.

Hoả tai tận sơ thiên.

Các biển cả trên thế gian đều khô kiệt. Không biết bao nhiêu người bị chết trong lửa. Tuy vậy, cũng có người thoát được kiếp thiêu. Khi mạng sống trung bình của con người còn lại chừng 20 tuổi, sẽ có nạn thủy tai.

Thủy tai tận nhị thiên.

Khi mạng sống trung bình của con người còn sống sót giảm xuống dưới 20 tuổi, sẽ có nạn phong tai, nó sẽ thổi đến cõi trời thiên thứ ba.

Phong tai tận tam thiên.

Nên kinh nói rằng trong cõi trời Lục dục thiên, có 5 dấu hiệu báo trước tai hoạ.

Trước hết, ở cõi trời thiên thứ ba, sẽ có phong tai.

*Dù ai có công phu tu tập, đạt đến cõi trời phi tướng
phi phi tướng xứ,
Cũng không bằng vãng sanh về cõi Tây phương
Tịnh độ.*

Cõi Lục dục thiên như chúng ta đã nghe giảng từ trước, đó là cõi trời Tứ thiên vương, Dao lợi thiên, Tu-dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hoá lạc thiên và Tha hoá tự tại thiên.¹ Chúng sinh trong các cõi trời này phải chịu năm tướng suy.

1. Hoa trên đầu khô héo. Chư thiên ở cõi trời thường có vòng hoa trên đầu. Vòng hoa này không do họ làm ra, mà hoa tự hiện ra để trang nghiêm cho thân tướng của họ. Nhưng khi một chúng sinh ở cõi trời gần mạng chung, thì điều gì sẽ xảy ra? Hoa sẽ rụng xuống. Trước khi một chúng sinh ở cõi trời chấm dứt thọ mạng, thì hoa trên đầu họ vẫn còn tươi.

¹ Lục dục Thiên (天; deva): e: Six desire Heaven.

1. Tứ thiên vương (四天王; cāturmahārājikadeva); e: Heaven of the Four Kings
2. Dao lợi (利) hay Tam thập tam thiên (三十三天; s: trāyastriṃśa-deva); the Trayastrimsha Heaven.
3. Dạ-ma (夜摩; s: yāmadeva) hoặc Tu-dạ-ma thiên (須夜摩天; s: suyāmadeva); e: Suyama Heaven.
4. Đâu-suất thiên (兜率天; s: tuṣita); e: Tushita Heaven,
5. Hoá lạc thiên (化樂天; s: nirmāṇarati-deva); e: Heaven of Bliss by Transformation
6. Tha hoá tự tại thiên (他化自在天; s: paranirmitavaśavarti-deva); e: Heaven of Comfort from Others' Transformations.

2. Y phục dơ bẩn. Áo quần của chư thiên nam nữ trên cõi trời không phải giặt như áo quần của loài người ở thế gian. Áo quần của chư thiên sẽ không bao giờ bị dơ bẩn mãi cho đến khi có năm tướng suy hiện ra. Đây là kết quả của quả báo. Sự dơ bẩn trên áo quần của họ là có từ nghiệp chướng. Tại sao mọi người có mùi rất nặng khi họ sắp chết? Người khác lại có mùi nặng khi chết. Đó cũng là nghiệp báo.
3. Nách đổ mồ hôi. Chư thiên không đổ mồ hôi như loài người. Họ không có mồ hôi, ngoại trừ khi họ sắp mạng chung.
4. Toàn thân hôi thối. Bình thường, chư thiên thường toát ra mùi hương từ thân họ. Tuy nhiên, khi sắp mạng chung, thì có mùi rất khó chịu. Thông thường, họ chẳng phải xông ướp thân thể bằng các thứ hương hoa, vì thân họ vốn tự nhiên đã có mùi hương.
5. Không ngồi được lâu. Họ không ngồi được lâu như thường ngày. Họ bồn chồn đứng dậy rồi ngồi xuống như thể họ điên dại. Giữa cơn xáo động này, họ rất bối rối, và chẳng bao lâu nữa là họ qua đời. Họ lại đầu thai xuống cõi trần.

Khi ba thảm họa (tam tai) này xảy ra, mạng sống trung bình của con người giảm xuống còn 10 tuổi. Lúc đó, chiều cao trung bình của con người sẽ bằng như con chó bây giờ. Họ rất đỗi bại và hành xử chẳng khác gì loài bò, heo, ngựa. Họ ham muốn tình dục ngay khi vừa mới sinh ra. Họ cũng biết nói ngay khi sinh ra. Họ liền có bản năng tình dục là vì,

Tình sinh ái, ái sinh dục.

Lúc đó, loài người tự buông mình vào sự phóng dăng. Họ kết hôn vào tuổi lên hai hoặc lên ba. Họ sinh con và họ chết lúc 10 tuổi. Nhưng khi mạng sống trung bình của con người giảm xuống còn 10 tuổi, thì kiếp tăng lại bắt đầu.

Tiến trình cũng giống nhau: cứ mỗi 100 năm, họ được tăng thêm 1 tuổi. Mạng sống trung bình của con người tăng dần cho đến khi được 84.000 tuổi. Lúc đó kiếp giảm lại bắt đầu. Rồi đến kiếp tăng. Khi mạng sống trung bình của con người tăng dần cho đến khi được 84.000 tuổi thì Đức Phật Di-lặc ra đời.

Có một vài tôn giáo khác đã cho rằng Đức Phật Di-lặc đã thị hiện thành Phật rồi. Đây chỉ là lời nói mớ, căn bản là do họ không hiểu gì về Phật pháp. Sự thị hiện của Đức Phật Di-lặc sẽ diễn ra theo một cách thức nhất định, quý vị không thể giải thích theo lối như vậy được.

Khi Đức Phật Di-lặc còn trong thời gian tu tập, ngài thường tìm cầu sự thuận lợi cho riêng mình, người Trung Hoa gọi là ‘phan duyên.’ Ngài thường thích giao du với kẻ giàu sang quyền quý. Thế nên mặc dù ngài và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng tu tập một thời gian, mà Di-lặc không thành Phật nhanh như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vì Bồ-tát Di-lặc mãi còn thích phan duyên. Tôi tin là ngài còn thích mong cầu sự tiện nghi thoải mái, nên thấy ngài mập mạnh làm sao? Ngài mập vì ngài thích ăn ngon, chẳng phải chỉ vì ngài hay cười.

Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn trọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý. Con thích giao hảo với những người có danh vọng giàu sang trong xã hội.” “Hàng quyền quý” là chỉ cho những gia đình giàu sang. Quốc gia nào cũng có những người giàu, và bất kỳ khi Di-lặc Bồ-tát đến đâu, ngài cũng không để ý đến người nghèo, nhưng chỉ thích đến những gia đình giàu sang để giao du với họ. Đi đến đâu ngài cũng tự khoa trương chiúnh mình. Ngài giả mạo theo cách này khi mới phát tâm tu tập. Nhưng quý vị đừng cho rằng Di-lặc Bồ-tát chỉ là một người phan duyên, vì cuối cùng ngài đã dừng lại điều ấy. Đoạn kinh văn tiếp theo sẽ nói rõ ngài đã từ bỏ việc ấy vào lúc nào.

Kinh văn:

爾時世尊教我修習唯心識定入三摩地。歷劫已來以此三昧事恒沙佛。求世名心歇滅無有。

Nhĩ thời Thế Tôn giáo ngã tu tập duy tâm thức định, nhập tam-ma-địa. Lịch kiếp dĩ lai, dĩ thử tam muội, sự hằng sa Phật. Cầu thế danh tâm yết diệt vô hữu.

Việt dịch:

Lúc ấy Đức Thế tôn dạy con tu tập pháp định

duy tâm thức, con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định này, mà con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn.

Giảng giải:

Lúc ấy tâm mong cầu sự thuận lợi tiện nghi cho riêng mình và tâm phan duyên đã dừng lại. Tâm ấy của Di-lặc Bồ-tát đã dừng lại từ lâu. Chúng ta nên học theo cách ngài đã dừng bất tâm phan duyên hơn là thay vì bắt chước các tập khí xấu.

Lúc ấy Đức Thế tôn, tức là Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh **dạy con tu tập pháp định duy tâm thức,**

Tam giới duy tâm

Vạn pháp duy thức.

Đó là nguyên lý của pháp Duy thức quán

con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định này, mà con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Con được cúng dường chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn. Cả lòng ham thích danh tiếng và thói quen thích giao du với người giàu có đều biến mất, Bây giờ con không còn phan duyên nữa, không còn mong cầu sự tiện lợi cho riêng mình nữa.

Kinh văn:

至然燈佛出現於世。我乃得成無上妙圓識心三昧。

Chí Nhiên Đấng Phật xuất hiện ư thế, ngã nãi đắc thành vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.

Việt dịch:

Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đấng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.

Giảng giải:

Di-lặc Bồ-tát thừa tiếp, “Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đấng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.” Ngài chứng đắc được pháp viên thông rất vi diệu, đó là định lực thức tâm tam-muội.

Kinh văn:

乃至盡空如來國土淨穢有無。皆是
我心變化所現。

*Nãi chí tận không Như Lai quốc độ, tịnh uế hữu vô,
giai thị ngã tâm biến hoá sở hiện.*

Việt dịch:

Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Giảng giải:

Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Ngay cả sự biến hiện của cùng khắp các cõi hư không hư không của các Đức Như Lai, các thứ thành tựu, cấu uế, đều là do từ tâm con biến hiện mà có.” Các

hiện tượng ấy đều biến hiện từ định lực thức tâm tam-muội của Di-lặc Bồ-tát.

Kinh văn:

世尊我了如是唯心識故。識性流出無量如來。今得授記次補佛處。

Thế tôn, ngã liễu như thị duy tâm thức cố, thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Kim đắc thụ kí, thứ bổ Phật xứ.

Việt dịch:

Bạch Đức Thế tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy, nên từ thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi này.

Giải thích:

Di-lặc Bồ-tát thưa cùng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: “**Bạch Đức Thế tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy—nguyên lí đã được nói ở trên—nên từ thức tánh lưu xuất—là biến hiện từ tâm thức—vô lượng Như Lai.** Biến hiện ra vô lượng vô biên chư Phật. **Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi này.** Con được Thế tôn thọ kí sẽ thành Phật, trong tương lai, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, con sẽ thị hiện thành Phật ở cõi ta-bà này.”

Kinh văn:

佛問圓通。我以諦觀十方唯識。識心圓明入圓成實。遠離依他及遍計執，得無生忍。斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ đế quán, thập phương duy thức, thức tâm viên minh nhập viên thành thật. Viễn ly y tha cập biến kế chấp. Đắc vô sanh nhẫn. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật, rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Vạn pháp trong mười phương đều là biến hiện từ tâm thức. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật. Đây có nghĩa là trí huệ. Rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

Có ba tánh:

1. Y tha khởi.
2. Biến kế chấp
3. Viên thành thật.

Từ tánh Viên thành thật, tâm niệm chúng sinh do dựa vào cái khác sinh khởi rồi khởi dậy tâm tính toán suy lường không ngừng. Chúng ta có thể ví rằng tánh Viên thành thật cũng như dây gai, tánh y tha khởi cho đó giống như sợi dây thừng, tánh Biến kế chấp là nhìn

sợi thừng trông tựa như con rắn. Chẳng hạn, ban đêm có người trông thấy sợi dây thừng được bện bằng gai và nhầm đó là rắn và sợ hãi. Đó là tác dụng của biến kế sở chấp, nhầm dây thừng là con rắn nên có phản ứng như vậy. Họ trở thành chấp trước vào ý tưởng đó là con rắn, trong khi vốn chẳng phải như vậy. Khi họ nhận ra đó chỉ là sợi dây thừng, anh ta nhận ra tánh y tha khởi nơi mình. Khi anh ta biết sợi dây thừng làm bằng gì, là anh ta trở về lại với tánh viên thành thật nơi mình. Anh ta nhận ra được nó thực sự là gì. Di-lặc Bồ-tát tu tập duy thức quán mà được giác ngộ. Trong đoạn kinh văn này, ngài đề cập đến ba tánh khi ngài nói, “thể nhập tánh viên thành thật” và “rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp.”

VIÊN THÔNG KIẾN ĐẠI
Bồ-tát Đại Thế Chí

Kinh văn:

大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử dĩ kỳ đồng luân ngũ thập nhị Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng 52 vị Bồ-tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Giải thích:

Đại Thế Chí Pháp vương tử và Bồ-tát Quán Thế Âm đều là con trai của Đức Phật A-di-đà khi Đức Phật còn là vị Chuyển luân thánh vương. Khi Đức Phật A-di-đà đã thành tựu quả Phật, hai vị Bồ-tát này đến để trợ thủ cho ngài. Hai vị Bồ-tát là hai người bạn đồng hành hằng ngày của Đức Phật A-di-đà, một vị bên trái, một vị bên phải. Khi Đức Phật A-di-đà nhập diệt, không còn là bậc giáo chủ của cõi Cực lạc phương Tây, trong nửa đêm, giáo pháp sẽ suy tàn, và đến cuối nửa đêm đó, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ thành Phật tại cõi Cực lạc phương Tây. Khi Bồ-tát Quán Thế Âm nhập diệt, không làm bậc giáo

chủ của cõi Cực lạc phương Tây nữa, thì Bồ-tát Đại Thế Chí sẽ thành Phật cùng một cách như Bồ-tát Quán Thế Âm, ngài làm giáo chủ cõi Tây phương Cực lạc. Bồ-tát Đại Thế Chí còn được gọi là Đắc Đại Thế—得大勢. Ngài rất mạnh, đến mức độ mỗi khi ngài nhấc tay, động chân, hay lắc đầu, thì đất bằng chuyển động. Khi ngài đi, thì đất rung chuyển. “Pháp vương tử” có nghĩa là Bồ-tát.

Cùng 52 vị Bồ-tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Năm mươi hai Bồ-tát ở đây biểu tượng cho thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, diệu giác—Năm mươi hai giai vị tu chứng của hàng Bồ-tát.

Kinh văn:

大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名無量光。十二如來相繼一劫。其最後佛名超日月光。彼佛教我念佛三昧。

Ngã ức vãng tích hằng hà sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp. Kỳ tối hậu Phật danh Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bì Phật giáo ngã niệm Phật tam-muội.

Việt dịch:

Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật

ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội.

Giảng giải:

Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Vào kiếp đó, có 12 Đức Phật Như Lai thị hiện ra trên đời, Đức Phật thứ 12 hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội. Đức Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy con niệm danh hiệu ‘Nam-mô A-di-đà Phật.’

A-di-đà (Amitābha) có nghĩa là ‘Vô lượng quang’ và ‘Vô lượng thọ’; có phải ngài là Đức Phật A-di-đà mà chúng ta thường biết đó chăng? Có lẽ không. Vì Đức Phật A-di-đà lúc đó là Đức Phật đã thành tựu Phật quả từ 10 kiếp trước. Nhưng danh hiệu vẫn đồng là một. Có nhiều Đức Phật có danh hiệu giống nhau, cũng như người thường có tên hoặc họ trùng nhau vậy.

Kinh văn:

譬如有人一專為憶，一人專忘。如是二人若逢不逢或見非見。

Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vong. Như thị nhị nhân, nhưc phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến.

Việt dịch:

Ví như có người, một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên, thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.

Giảng giải:

Ví như có người, một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên. Đây là một ví dụ. Có hai người, một người luôn luôn nhớ đến người kia, trong khi người kia không bao giờ nhớ đến người khác. Có lẽ họ là bạn bè hay bà con. Hai người này dụ cho Đức Phật và chúng sinh. Đức Phật thường nhớ đến chúng chúng ta, các ngài luôn luôn thường xót chúng sinh, nhưng chúng sinh thì không bao giờ nhớ đến Phật. Chúng ta có thể có ít cơ may để học Phật pháp, nhưng chúng ta hoàn toàn không biết rõ những gì đang được giảng giải. Chúng ta hoàn toàn không biết những điều ấy vi diệu như thế nào. Tại sao chư Phật lại nhớ nghĩ đến chúng sinh. Vì các ngài thấy rằng chúng sinh vốn có cùng bản tánh Phật như các ngài. Chư Phật nhìn chúng sinh như là cha mẹ của các ngài trong quá khứ, và sẽ là chư Phật trong tương lai. Thế nên Đức Phật dạy rằng, “Mọi chúng sinh trên cõi giới này đều có Phật tánh. Đều có thể thành Phật.” Không có riêng một chúng sinh nào mà chẳng được thành Phật. Đây chính là điểm then chốt đã khiến chó đạo Phật trở nên cao quý và lan rộng khắp mọi nơi. Đó là lí do tại sao chư Phật không tán thành các việc sát hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Giữ và thực hành năm giới là cách thể hiện lòng thương tưởng đến chúng sinh. Vì

chư Phật thấy rõ rằng chúng sinh có cùng thể tánh như các ngài, ngài muốn giáo hoá họ, để giúp cho họ tiến lên, thành tựu Phật quả.

Chúng sinh chúng ta đến thế giới này và bỏ gốc để theo ngọn. Chúng ta quên đi nguồn gốc, bồi giác hiệp trần—turn our backs on enlightenment and unite with the dust—trần lao phiền não nơi thế gian. Đó là lí do khiến cho chúng ta quên đi chư Phật và không nhớ gì đến các ngài.

Có nhiều phương pháp thực hành niệm danh hiệu Phật.

1. Trì danh niệm Phật: Quý vị có thể niệm danh hiệu của Đức Phật nào mà mình thích. Chẳng hạn, nếu quý vị thích Đức Phật A-di-đà, quý vị có thể niệm ‘Nam-mô A-di-đà Phật.’ Hoặc có thể quý vị thích niệm ‘Nam-mô Bốn sư Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Phật.’ Hoặc có thể quý vị thích niệm ‘Nam-mô Tiêu tai Diên thọ Dược sư Lưu ly Quang Vương Phật.’ Đó chính là đồng như danh hiệu với chư Phật trong khắp mười phương—quý vị có thể chọn danh hiệu nào để niệm tùy ý. Mục đích của việc niệm Đức Phật là nhằm gom niệm tưởng lãng xảng thành nhất tâm nhớ nghĩ về Đức Phật—là để trừ đi những vọng tưởng. Nếu quý vị không dính líu với những vọng tưởng, thì quý vị sẽ không sinh khởi vọng tưởng, và khi quý vị không tạo nên các việc ác, có nghĩa là quý vị đang trên đường làm việc thiện.
2. Quán tưởng niệm Phật. Quán tưởng Đức Phật A-di-

đà từ tướng lông màu trắng ở giữa trán đang phóng ra hào quang. Có bài kệ tán thán việc này,

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di

Hám mục trùng thanh tứ đại hải.

Quý vị có hình dung ra được không? Nếu quý vị có tâm lượng nhỏ hẹp, thì ý niệm của quý vị về Đức Phật cũng sẽ rất yếu khi quán tưởng về ngài. Nếu quý vị có tâm thiết tha rộng lớn, thì sự quán tưởng về hình tượng Phật sẽ to lớn vô cùng.

3. *Quán tượng niệm Phật*: Theo phương pháp này, quý vị nhìn vào tượng Phật A-di-đà khi niệm danh hiệu ngài. Và khi niệm Phật quý vị quán tưởng đến những thân trang nghiêm và các tướng tốt của ngài. Nhưng tôi báo quý vị biết rằng, điều này có thể xảy ra khi quý vị bị một loài ma gá vào khi quý vị niệm Phật. Nói chung, bất kỳ quý vị tu tập pháp môn nào, cũng cần phải có giới hạnh—đức hạnh trong tu đạo. Khi tôi ở chùa Ze Xing, núi Da Yu tại Hồng Kong, có một vị tử-khuru muốn tu một khoá Phật lập tam-muội. Khi tu tập pháp này, người tu phải ở trong thất và đi kinh hành liên tục, nên gọi đó là pháp Thường hành tam-muội¹—hoặc Phật lập tam-muội.

¹ Bát-chu tam-muội 般舟三昧 Pratyutpanna-samādhī; Bát-chu 般舟 Hán dịch nghĩa là Phật lập 佛立, còn dịch là Thường hành đạo 常行道. Tông Thiên Thai gọi là Thường hành tam-muội 常行三昧. Khi tu tập pháp tam-muội này, trong suốt thời gian từ 7 ngày cho đến 90 ngày, hành giả phải công phu liên tục không được gián đoạn.

Trong 90 ngày, hành giả đi liên tục trong phòng, không nằm, không ngủ. Đây là pháp môn đòi hỏi nhiều nghị lực. Vị tỷ-khưu ấy phải niệm Phật suốt trong thời gian tu tập pháp Thường hành tam-muội này. Một hôm, tôi để ý thấy rằng càng ngày vị ấy niệm Phật càng lớn tiếng hơn, cho đến một hôm ông ta rống lên, “Nam-mô A-di-đà Phật! Nam-mô A-di-đà Phật!” Khi tôi nghe như vậy, tôi biết ông ta đã gặp một cảnh giới nào đó, thế nên tôi đến để xem thử sao. Ông ta chạy quanh thất như điên. Điều gì đã xảy ra? Trong kiếp trước, vị tỷ-khưu này là một con bò. Vì ông ta đã làm được một số công đức ở một ngôi chùa nhờ cày ruộng cho chùa, nên đời này, ông được làm vị tỷ-khưu. Tuy nhiên, mặc dù là một tỷ-khưu, tập khí của loài bò vẫn chưa được thay đổi. Ông ta có một thói quen thật kỳ lạ.

Lí do mà ông ta chạy quanh phòng là vì ông ta thấy Đức Phật A-di-đà hiện ra, và ông ta đuổi theo ngài. Điều gì thực sự đã xảy ra? Vị tỷ-khưu ấy đã gặp phải ma sự. Vốn thực chẳng có Đức Phật A-di-đà nào đến cả, đó chỉ là một con trâu nước hiện lên từ biển. Nó là loài thủy quái biến hiện thành Đức Phật A-di-đà để gạt vị tỷ-khưu. Vị này tưởng đó là Đức Phật A-di-đà hiện ra, nên chạy theo ngài.

Khi tôi đến đó, tôi dùng một phương pháp để giải trừ ma sự cho vị tỷ-khưu. Thế nên cũng có khi quý vị gặp phải ma sự khi trì niệm danh hiệu Phật.

4. *Thực tướng niệm Phật*: Đây có nghĩa chính là tham

thiền—investigating dhyāna. Chúng ta ngồi thiền và tham công án ‘Ai là người niệm Phật?’

Trong đoạn kinh này, một người luôn luôn nhớ đến Phật, một người thường chẳng bao giờ nhớ đến chúng sinh. **Thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.**

Dù họ có gặp nhau, cũng như thể là họ chưa từng thấy nhau. Có thể họ đã gặp nhau ở một nơi nào đó, nhưng “chẳng hợp nhãn nhau.” Vì năng lượng của họ không giao thoa nhau, vì một người thì nhớ một người quên. Họ không thể gặp được nhau. Dù họ có đối diện nhau, cũng như thể họ không thấy nhau.

Kinh văn:

二人相憶二憶念深。如是乃至從生
至生。同於形影不相乖異。

*Nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm, như thị nãi chí
tòng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh, bất tương thừa dị.*

Việt dịch:

Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm, như thể cho đến đời này sang đời khác, như hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau.

Giải giảng:

Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm—nếu họ nhớ nhau rất sâu đậm— như thể cho đến đời này sang đời khác, như

hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau. Cái bóng của mình dù mình có đi đâu nó cũng đi theo, nó không bao giờ rời bỏ hình ảnh của nó. Hai người này cũng sẽ như vậy và không bao giờ tách rời ra. Họ sẽ không bao giờ còn có việc chẳng nhận ra nhau hay quên nhau.

Kinh văn:

十方如來憐念眾生如母憶子。若子逃逝雖憶何為。子若憶母如母憶時。母子歷生不相違遠。

Thập phương Như Lai lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử. Nhược tử đào thê, tuy ức hà vi. Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh bất tương vi viễn.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau.

Giải thích:

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con—Chư Phật trong mười phương thường thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Dù mẹ thường nhớ con mọi thời, nhưng con quên mẹ, thì thật vô ích. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau. Nếu mẹ và con cùng nhớ đến nhau

trong theo cách ấy, thì mẹ con sẽ nhớ nhau suốt đời, từ đời này sang đời khác. Họ sẽ không bao giờ tách lìa nhau.

Có nghĩa là, nếu chư Phật thương tưởng, hằng nhớ đến chúng sinh, mà nếu chúng sinh cũng nhớ đến chư Phật, thì đời này sang đời khác, chúng sinh và Phật chẳng lìa xa nhau. Chúng ta sẽ ở bên Phật mãi mãi.

Kinh văn:

若眾生心憶佛念佛。現前當來，必定見佛。

Nhược chúng sanh tâm ức Phật niệm Phật. Hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật.

Việt dịch:

Nếu tâm chúng sinh, nhớ Phật, tưởng đến Phật, thì đời này, đời sau, nhất định thấy Phật.

Giải thích:

Nếu chúng sinh tưởng nhớ đến Phật, niệm danh hiệu Phật, thì chắc chắn họ sẽ được thấy Phật trong đời này hoặc đời sau.

Kinh văn:

去佛不遠。不假方便自得心開。

Khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện tự đắc tâm khai.

Việt dịch:

Họ đã cách Phật không xa, nên không nhờ vào phương tiện mà được tâm khai ngộ.

Giải thích:

Họ chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Kinh văn:

如染香人身有香氣。此則名曰香光莊嚴。

Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tác danh viết hương quang trang nghiêm.

Viết dịch:

Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Đó gọi là hương quang trang nghiêm.

Giải thích:

Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Nếu có người xông ướp thân thể mình bằng hương thơm, thì mùi hương ấy sẽ thấm đượm quanh thân. **Đó gọi là hương quang trang nghiêm.**

Kinh văn:

我本因地以念佛心入無生忍。今於此界攝念佛人歸於淨土。

Ngã bản nhân địa dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn. Kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư tịnh độ.

Viết dịch:

Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn. Nay con trong cõi này, tiếp dẫn những người niệm Phật trở về cõi Tịnh độ.

Giảng giải:

Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn.

Bồ-tát Đại Thế Chí nói rằng từ trong nhân địa tu hành của ngài, có nghĩa là, từ khi mới phát tâm tu đạo làm vị tỷ-khưu, ngài chứng được vô sinh pháp nhẫn nhờ vào pháp niệm Phật. **Nay con trong cõi này—cõi ta-bà, tiếp dẫn những người niệm Phật.** Như thổi nam châm sẽ thu hút hết thảy các vụn sắt, Bồ-tát Đại Thế Chí tiếp độ và dẫn dắt mọi chúng sinh nào tu tập pháp niệm danh hiệu Phật, đưa họ **trở về cõi Tịnh độ.** Ngài dẫn dắt họ trở về với cõi Cực lạc.

Kinh văn:

佛問圓通我無選擇都攝六根淨念。
相繼得三摩地斯為第一

Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trạch đô nhiếp lục căn tịnh niệm. Tương kế đắc tam-ma-địa tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Đó là phương pháp hay nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về phương pháp để tu tập đạt được viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không

cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Con không có sự lựa chọn nào khác. Con chỉ có một pháp phương pháp là niệm danh hiệu Phật. Con dùng pháp môn này để thu nhiếp sáu căn và các vọng tưởng khởi dậy từ sáu căn ấy. Con điều phục sáu căn không để cho chúng khởi dậy vọng tưởng nữa. Con niệm Phật với tâm thanh tịnh mãi không gián đoạn, cho đến khi con đạt được chánh định **Đó là phương pháp hay nhất.**

大佛頂萬行首楞嚴經卷第五
(Hết quyển 5 bản Hán)

Thích Nhuận Châu



Tịnh thất TỬ NGHIÊM

Mùa Phật Đản Pl. 2550

Bính Tuất-2006.

MỤC LỤC

KHAI KINH KỆ	5
TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN.....	7
CHƯƠNG 1	
MỞ SÁU NÚT	9
SÁU NÚT	70
HAI MƯƠI LĂM PHÁP MÔN VIÊN THÔNG.	100
VIÊN THÔNG SÁU TRẦN	
Viên Thông Thanh Trần - <i>Kiều-trần-na</i>	107
Viên Thông Sắc Trần - <i>Ưu-bà-ni sa-đà</i>	112
Viên Thông Hương Trần - <i>Hương Nghiêm đồng tử</i>	117
Viên Thông Vị Trần - <i>Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát</i> ...	121
Viên Thông Xúc Trần - <i>Bạt-đà-bà-la</i>	128
Viên Thông Pháp Trần - <i>Ma-ha Ca-diếp</i>	133
VIÊN THÔNG NĂM CĂN	
Viên Thông Nhãn Căn - <i>A-na-luật-đà</i>	141

Viên Thông Tị Căn - <i>Châu-lợi Bàn-đặc-ca</i>	145
Viên Thông Thiệt Căn - <i>Kiều-phạm-bát-đề</i>	159
Viên Thông Thân Căn - <i>Tát-lãng-già Bà-ta</i>	164
Viên Thông Về Thân Căn - <i>Tu-bồ-đề</i>	169

SÁU THỨC

Viên Thông Về Nhãn Thức - <i>Xá-lợi-phát</i>	173
Viên Thông Nhĩ Thức - <i>Bồ-tát Phổ Hiền</i>	179
Viên Thông Tị Thức - <i>Tôn-đà-la Nan-đà</i>	184
Viên Thông Thiệt Thức - <i>Phù-lâu-na Di-đa-la-ni Tử</i>	189
Viên Thông Về Thân Thức - <i>Ưu-ba-ly</i>	194
Viên Thông Ý Thức - <i>Mục-kiền-liên</i>	216

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

Viên Thông Hoà Đại - <i>Ô-sô-sắc-ma</i>	222
Viên Thông Địa Đại - <i>Trì Địa Bồ-tát</i>	228
Viên Thông Thủy Đại - <i>Nguyệt Quang đồng tử</i>	237
Viên Thông Phong Đại - <i>Lưu Ly Quang Pháp vương tử</i>	247
Viên Thông Không Đại - <i>Hư Không Tạng Bồ-tát</i>	253
Viên Thông Thức Đại - <i>Di-lặc Bồ-tát</i>	260
Viên Thông Kiến Đại - <i>Bồ-tát Đại Thế Chí</i>	272